

Thánh Kinh Báo

Năm thứ tám
Báo ra hằng tháng

Số 96

FEVRIER 1939

聖
經
報

TÒA SOẠN
Số 1 Phố =
Nguyễn Trãi
HANOI

GIÁ BÁO
Mỗi số 0\$15
Cả năm 12 số
1\$20

TÒA SOẠN BÁO:
Số 1 Phố Nguyễn-Trãi, Hà-nội, Bắc-kỳ

THƠ VÀ TIỀN-BẠC
Xin gửi cho ông Mục-sư Wm. C. Cadman, Quản-lý
Thánh-Kinh Báo, Hà-nội

LỆ MUA BÁO:
Một năm (12 số) giá 1p.20 — Mỗi số 0p.15
Mua báo xin trả tiền trước

MỤC-LỤC

	Trang
Xã-thuyết	37
Lời sòng đồn vang:	
Từ cũ qua mới. LÊ-VĂN-THÁI	39
Tin-tức gần xa	43
Giải nghĩa Kinh-Thánh:	
Thơ Gia-cơ (Tiếp theo). H. H. HAZLETT	45
Vượt cơn bão-tổ (Tiếp theo). J. HARDIBROOK	47
Một cuộc phỏng-vấn. PHẠM-XUÂN-TÍN.	49
Nghĩ lúc tân-xuân. A. JALAGUIER	51
Tiểu-sử chi-hội Đa-lát. PHAN-ĐÌNH-LIỆU	52
Khoa-học với Tạo-Hóa (Tiếp theo). BÀ C. SOẠN	53
Vun khóm cây xanh:	
Hai cha con với một con lừa	55
Cung-hạ tân-xuân. MỤC-SƯ LÊ-ĐÌNH-TUÔI	57
Nước thiêng đã khát	58
Hoa tươi, hoa tàn. NGUYỄN-THỊ-XUÂN-HƯƠNG	59
Quán-quân truyền-đạo:	
Charles H. Finney (Tiếp theo)	60
Tiếng gọi của rừng xanh:	
Người Thái đen ở Sơn-la (Tiếp theo)	62
NGUYỄN-HẬU-NHUÔNG	
Du-lịch xứ thánh (Tiếp theo). J. HUNTER	64
Bài học trường Chúa-nhật:	
(Tháng Février 1939). BÀ H. HOMER-DIXON	65

THÁNH - KINH BÁO

NĂM THỨ 8

FEVRIER 1939

SỐ 96

TÒA SOẠN :

Số 1, Phố Nguyễn-Trãi
Hà-nội, Bắc-kỳ

THƠ VÀ TIỀN-BẠC

xin gửi cho Mục-sư W. C. Cadman
Quản-lý Thánh-Kinh Báo
Hà-nội, Bắc-kỳ

LỆ MUA BÁO :

Một năm (12 số) giá 1p.20

Mỗi số 0p.15

Mua báo xin trả tiền trước

TRUNG - THÀNH VỚI SẮC CỜ CỨU-CHÚA !

«Đa-ni-ên quyết-định trong lòng rằng không chịu ô-uế bởi đồ
ngon vua ăn» (Đa-ni-ên 1 : 8)

MỖI năm một lần Tết Nguyên-đán đem dịp tốt cho ai nấy nghỉ việc và sum-họp trong chốn gia-đình. Kia, đào, cúc, thủy-tiên đua nở, và ngọn gió xuân làm trẻ lại tâm-thân. Trên cành cây lá non nhannhắn mọc, thay vào những lá úa, vàng, rơi-tả rụng giữa mùa đông. Khí trời ấm-áp, muôn vật dường như đổi mới, tung-bùng, đầy sự sống và sức mạnh. Đứng trên ngạch cửa năm mới, THÁNH KINH-BÁO thành-thực chúc-mừng độc-giả nhận-lãnh sự sống mới từ Ngôi Ông-Phước tràn ra, để đánh thắng mọi sự yếu-đuối, bất-toàn trong năm cũ ; tiếp-rước tình yêu-thương mới-mẻ để đi ra cứu-vớt đồng-bào đang chìm-đắm trong vòng tội-lỗi ; lại được sống một năm đầy-đủ hạnh-phước thiêng-liêng sâu-nhiệm vì dâng mình cho Đức Chúa Trời một cách mới.

SOI GƯƠNG BẠC ANH-HÙNG NGÀN XƯA

CHẰNG may cho tín-đồ, Tết-Nguyên-đán thường giăng những lưới-bẫy cám-dỗ, dễ khiến tín-đồ hạ thấp ngọn cờ, phai-lạt lòng trung-tín với Chúa, và hơi nắm tay cùng đi với thế-gian. Trong dịp này, chúng ta phải tiếp, phải thăm bà-con, bè-bạn, phần nhiều chưa quỳ gối đầu-phục Đức Chúa Jê-sus. Mặc áo thiên-sứ sáng-láng, quỷ Sa-tan mon-men đến thì-thăm rằng : «Theo phép lịch-sự, anh nên quỳ lạy trước bàn-thờ. Cái ấy chỉ là bề ngoài, có chi đáng kể, trong lòng anh vẫn quả-quyết tin-thờ Đức Chúa Trời kia mà...» Nhưng tín-đồ trung-thành với lý-tưởng cao-siêu sẽ theo gương Đa-ni-ên trong cung-điện vua Nê-bu-cát-nết-sa mà «quyết-định trong lòng rằng không chịu ô-uế.» Ai nấy phải khâm-phục những người mạnh-dạn tuyên-bố mình là môn-đồ Đấng Christ, chẳng quản những mũi tên báng-nhạo của người đời. Đây này, Đa-ni-ên lại treo gương anh-dũng—«Khi Đa-ni-ên nghe rằng chỉ-dụ đó đã ký tên rồi, thì về nhà mình, những cửa sổ của phòng người thì mở. Tại đó, cứ một ngày ba lần, người quỳ gối xuống, cầu-nguyện, xưng-tạ trước mặt Đức Chúa Trời mình, như vẫn làm khi trước» (Đa-ni-ên 6 : 10). Ông không biết mình làm vậy, sẽ bị quăng vào hang sư-tử sao ? Biết chớ, nhưng ông không sợ. Thật ta chưa mắc sự hình-phạt bất-công và khùng-khiếp ấy, nhưng bao phen ta hèn-nhát, chối Chúa, há chẳng đáng hổ-thẹn lắm sao ? Trong sử-ký Hội-Thánh có biết bao nhiêu

môn-đồ đã khinh thường miệng thú dữ, giàn lửa thiêu, cảnh tù-ngục, đói-khát, lạnh-lẽo vì lòng đã quả-quyết trung-thành với ngọn cờ của Cứu-Chúa !

AI NỖI GÓT NGƯỜI MÔN-ĐỒ NHÚT-NHÁT NÀY ?

TRONG mỗi chi-hội có một ít anh em nhút-nhát, phân-tâm, run-rầy trước mặt người đời, giống như Ni-cô-đem đến cùng Cứu-Chúa lúc đêm khuya vì sợ dân Giu-đa. Có lẽ họ cũng tin theo Đức Chúa Jêsus, nhưng thế-gian chẳng biết. Thật là những ngọn đèn hiu-hắt giữa vùng trời nhuộm mực, chớ chẳng phải mặt trời, mặt trăng soi tỏ bốn phương. Có sự nguy-hiểm ư ? Họ xanh-xám, cuốn cờ, im trống, cam sống một đời hèn-yếu, bám-viu lấy Hội-Thánh, ôm mỗi hi-vọng mơ-hồ sẽ được lọt qua cửa Thiên-đàng, chớ đâu dám mong lãnh mào triều-thiên của người trung-tín. Ai đấy muốn lảng-lặng đi quăng đường trời, chẳng muốn thiên-hạ nghe bước chon hùnh-dũng ? Đây này, lời Chúa sẽ phán cùng anh em đó : «Hãy lui ra khỏi Ta» (Ma 25 : 41). Thật vậy, vì Chúa đã có lời tuyên-bố : «Hễ ai hờ-then về Ta và đạo Ta, thì Con Người sẽ hờ-then về kẻ ấy, khi ngự trong sự vinh-hiễn của Cha Ngài mà đến» (Mác 8 : 38). Có Cứu-Chúa đã liều chết để cho ta được sống đời đời, có sao ta còn rụt-rè hờ-then ?

HƯƠNG THƠM TỪ TRẠI LÍNH BAY LÊN

CÓ câu : «Ở đời, chiều đời !» Nhưng «chúng ta là công-dân trên trời,» thì phải nói trái lại : «Ở trời, chiều Trời !» Bao phen ta phạm tội a-dua theo phong-trào, giấu-giếm chơn-lý thuần-túy, liên-kết với kẻ thù Đấng Christ ! Kẻ can-dảm hơn hết vẫn chưa can-dảm đủ, còn kẻ hèn-nhát thì đã tự khinh mình và đã bị Chúa ở trên trời gớm-ghét. Tín-đồ chỉ có một phương-châm hành-động, là «*dùng vững vì danh Đức Chúa Jêsus.*» Người đời mong thấy chúng ta như vậy ; nếu ta hờ-then, rụt-rè, họ sẽ khinh-bĩ và ngờ rằng ta không thật tin theo Đấng Christ.

Một người lính trẻ tuổi nói với ông mục-sư trong đạo binh rằng : «Tối qua, trước khi đi ngủ, tôi quì gối cầu-nguyện, thì bạn đồng-ngũ cười nhạo, rồi ném giày, ném áo vào tôi.» Mục-sư đáp : «Anh nên hoãn sự cầu-nguyện cho tới khi về phòng riêng, bấy giờ hãy lảng-lặng giao-thông với Đức Chúa Trời cũng được.» Mấy bữa sau, mục-sư hỏi rằng : «Anh theo lời tôi khuyên đấy chớ ? Kết-quả ra sao ?» Người lính đáp : «Thưa ông, thoát-tiên tôi làm theo lời ông, nhưng sau tôi nghĩ rằng làm vậy chẳng khác gì chối Chúa, nên lại cứ quì gối cầu-nguyện trước mặt bạn đồng-ngũ như trước.»—«Có gì xảy ra ?»—«Hiện nay tất cả mười lăm người đều quì xuống, và tôi cầu-nguyện chung với họ.»

LỬA TRỜI GIỤC-GIÃ GIỮA LÚC TÂN-XUÂN

TÍN-ĐỒ yếu-đuối hiệp chung với kẻ chẳng tin, ắt phải sa-sút đời thiêng-liêng và không thể cất tiếng ngợi-khen Chúa nữa. Trong Hội-Thánh đầu-tiên mỗi một giáo-hữu sốt-sắng làm chứng về Chúa, đồn ơn cứu-rỗi lạ-lùng. Đức Thánh-Linh đã giáng xuống, ban quyền-năng vô-dịch cho họ đến nỗi không ai dám bắt-bẻ hoặc chống-cự khi họ giải-bày ân-diễn thiên-thượng. Ôi ! Ước chi ngày nay có những người làm chứng mạnh-bạo, dạn-dĩ, cố dẫn từng đồng-bào một trở về cùng Chúa ! Ước gì trong mấy ngày Tết Nguyên-đán này, anh em đi chỗ nào, vào nhà nào, cũng trung-thành soi sáng cho Đức Chúa Jêsus, không sợ ai phiền-giận ! Như vậy, đến mùa gặt lớn nhứt của vũ-trụ xua nay, anh em sẽ có hi-vọng được nghe Ngài tươi-cười phán với mình rằng : «Hỡi đầy-tớ ngay-lành trung-tín kia, được lắm, hãy đến hưởng sự vui-mừng của Chúa ngươi !»—T. K. B.



TỪ CŨ QUA MỚI

(Sáng-thế Ký 12: 1-9)

MỤC-SƯ LÊ-VĂN-THÁI, CHỦ-NHIỆM BẮC-HẠT

Lễ Tết là kỷ-niệm một ngày từ năm cũ bước qua năm mới, vào một thời-gian mới và những quang-cảnh của sự sống mới. Ta sửa-soạn mà bước vào, hi-vọng cuộc tương-lai tốt-đẹp, thanh-cao, nhàn-hạ, cùng đời sinh-hoạt mới. Ta cũng lớn tiếng kêu rằng: «Ai ở trong Đấng Christ, thì nầy là người dựng nên mới; những sự cũ đã qua đi, nầy mọi sự đều trở nên mới.»

Hỡi các bạn, xin cùng tôi xem những bước «chia ra» của Áp-ra-ham, từ cũ qua mới. Ông đã trở nên bậc lãnh-tụ của đức-tin, đáng làm gương-mẫu cho chúng ta đường nào! Trong đời Áp-ra-ham có bốn bước «chia ra», mỗi bước khác nhau, đi sâu-nhiệm trong ơn-phước lạ-lùng của Chúa. Mỗi bước đều có tánh-cách TỪ CŨ QUA MỚI. «Áp-ra-ham đi, theo lời Đức Giê-hô-va phán-dạy» (Sáng 12: 4).

I. Bước ra khỏi Canh-dê, thành U-rơ, là quê-hương của Áp-ra-ham (Sáng 11: 27, 28, 31).—Tại sao Áp-ra-ham bỏ quê-hương của người? Ta

biết chắc vì người vâng lời Đức Chúa Trời gọi, chớ không chịu theo tiếng của lòng và tánh xác-thịt. «Áp-ra-ham đi, theo lời Đức Giê-hô-va đã phán-dạy» (Sáng 12: 4).

Năm 1922, các nhà khảo-cổ tìm được thành U-rơ ở tỉnh Canh-dê, xứ Mê-sô-bô-ta-mi, và tìm được thành-phố Áp-ra-ham sanh-trưởng, giúp ta biết rằng nơi Áp-ra-ham ở là một thành-phố xưa rất lịch-sự và trình-độ văn-minh rất cao. Đã xây một tháp rất mỹ-thuật và kiên-cố trong năm 4.300 T.C. Quê-hương của Áp-ra-ham cũng là nơi thờ-cúng tà-thần, như thần Ba-anh, thần



ÔNG LÊ-VĂN-THÁI VÀ QUÍ-QUYẾN

A-tạt-tê. Cách thờ-cúng của họ rất xấu-xa, ô-uế và tội-ác bởi sự dâm-dục không sao kể được.

Chữ «U-rơ» nghĩa là «ánh sáng.» Mà thật ra không có sự sáng gì trong tâm-thần của nhơn-dân cả. Vì họ đã bỏ Đức Chúa Trời, là nguồn sự sống và sự sáng của họ (Thi 36: 9). Đức Chúa Trời không muốn người thánh của Ngài sống trong địa-vị, hoàn-cảnh và

ảnh-hưởng như thế. Nên Chúa gọi đích danh người mà rằng: «Áp-ra-ham, hãy ra khỏi quê-hương ngươi.»

Hỡi các bạn, Chúa chúng ta đã lấy thân-thể quý-báu của Ngài mà chuộc chúng ta, và bởi huyết Ngài chúng ta được tha tội, được thuộc về Ngài. Ngài không muốn chúng ta sống trong địa-vị cũ, theo tánh-tình của xác-thịt, hoặc trong chế-độ của gia-đình cũ, theo lời truyền-khẩu không căn-cứ vào đâu. Cũng không muốn chúng ta bị xô-đầy bởi ảnh-hưởng của lễ-thói giữ ngày, tháng, năm, cùng các phong-trào sai-lạc của thế-gian, như Phao-lô xưa đã cảnh-cáo cho tín-đồ rằng: «Xưa kia, anh em chẳng biết Đức Chúa Trời chi hết, thì làm tội các thần vốn không phải là thần. Nhưng hiện nay anh em biết Đức Chúa Trời, lại được Đức Chúa Trời biết đến nữa, sao còn trở hướng về lễ-thói hèn-yếu nghèo-nản đó mà suy-phục nữa ư? Anh em hãy còn giữ ngày, tháng, mùa, năm ư! Tôi lo cho anh em lắm, e tôi đã làm việc luống công giữa anh em» (Ga-la-ti 4: 8-11).

Nay Chúa gọi các bạn ra khỏi địa-vị sanh-trưởng của xác-thịt cùng ảnh-hưởng do mê-tín, dị-doan và tội-ác của thế-gian. Tôi rất mong các bạn nghe tiếng của Chúa mà bước ra, từ địa-vị cũ qua mới như «Áp-ra-ham đi, theo như Đức Giê-hô-va đã phán-dạy.»

II. Lìa-bỏ cháu là Lót, người mà Áp-ra-ham rất yêu-quí, cũng có thể kể-tự, cũng đã tin Chúa và cùng ông bỏ quê-hương mà đi.—Áp-ra-ham phải lìa-bỏ Lót bởi Lót có chí-hướng khác với ý Chúa tỏ cho Áp-ra-ham. Chí-hướng của Lót là tìm một chỗ định-cư trong Sô-dôm, chớ không phải vừa đi vừa đóng trại nữa. Lót làm hình-bóng về tin-đồ xác-thịt, ham-mê thế-gian cùng khoái-lạc vật-chất, không muốn vâng lời Chúa làm người khách bộ-hành trên đất.

Khi Lót đã định ý chọn cảnh đồng-bằng, nơi đô-thị của Sô-dôm làm sản-nghiệp và nơi định-cư của mình, thì

Đức Chúa Trời gọi Áp-ra-ham mà rằng: «Hãy nhướng mắt lên, từ chỗ ngươi ở cho đến phương bắc, phương nam, phương đông và phương tây: Vì cả xứ nào ngươi thấy, Ta sẽ ban cho ngươi và dòng-dõi ngươi đời đời» (Sáng-thế Ký 13: 14-15).

Hãy xem kết-quả của cuộc đời Lót: Cửa-cải bị thiêu-hủy, ruộng đất bỏ hoang, vợ hóa ra cái tượng vô-dụng, con phạm tội quái-gở. Hỡi các bạn, hãy «nhướng mắt lên» xem cuộc đời của một tín-đồ theo xác-thịt, cũng suy-gẫm sự kết-quả đau-thương của họ. Bất-đắc-dĩ ta phải như Áp-ra-ham lìa xa họ.

Còn Áp-ra-ham, ông «đời trại mình đến lùm cây đẻ bộp tại Mam-rê, thuộc về Hép-rôn, và lập tại đó một bàn thờ cho Đức Giê-hô-va» (Sáng 13: 18). Đã lìa-bỏ người ham-mê của-cải, vui-thú với thế-gian, chăm làm theo lòng dục của xác-thịt, Áp-ra-ham bèn đến Hép-rôn, lập tại đó một bàn thờ cho Đức Giê-hô-va. Xem sau khi Áp-ra-ham quyết-định bỏ xác-thịt, Chúa phán: «Xứ nào ngươi thấy, Ta sẽ ban cho ngươi và dòng-dõi ngươi đời đời.» Lại phán: «Ta sẽ làm cho dòng-dõi ngươi như bụi trên đất; thế thì, nếu kẻ nào đếm đặng bụi trên đất, thì cũng sẽ đếm đặng dòng-dõi ngươi vậy. Hãy đứng dậy, đi khắp trong xứ, bề dài và bề ngang; vì Ta sẽ ban cho ngươi xứ này» (Sáng 13: 15-17).

Đời của Áp-ra-ham đã trở nên một nguồn phước cho những nơi người trú-ngụ, làm lãnh-tụ của dân lựa-chọn, cha của những người có đức-tin. Ấy bởi người đã «nhướng mắt lên,» «đứng dậy,» và «đi khắp trong xứ.» Bởi vâng lời, nên đã nhận-lãnh các ân-tử bởi Đức Chúa Trời ban cho. Người nào bằng lòng lìa-bỏ xác-thịt, thì «dòng-dõi ngươi sẽ thêm dài ra và ý-chỉ của Đức Giê-hô-va sẽ nhờ cánh tay ngươi mà được thanh-vượng.»

Hỡi các bạn, năm mới này Chúa muốn các bạn và tôi «nhướng mắt lên»

nhìn xem tình-trạng của thế-gian, cùng những điều tỏ ra ngày Chúa gần đến. Chúa cũng muốn chúng ta «đứng dậy,» Ngài không muốn chúng ta la-lết ngồi một chỗ, than-thở sự yếu-đuối của mình mãi. Nhờ sức toàn-năng của Ngài, nguyện chúng ta «đứng dậy» trong năm mới này! A-men! Chúa bảo chúng ta phải «đi khắp xứ.» Thật thế, chúng ta nên có cuộc du-lịch thiêng-liêng của tâm-thần, vào trong cõi vô-cùng-tận của Đức Thánh-Linh mà nhận-lãnh các ơn-phước lạ-lùng mới-mẻ trong năm mới này. A-men!

III. Dứt tình với Ích-ma-ên, là đứa con theo ý riêng. — Ông Áp-ra-ham và vợ nắm-giữ lời hứa và mong-đợi có dòng-dõi bởi Đức Chúa Trời ban cho. Nhưng mà chậm quá, sốt ruột, lại nhìn-xem mình, tưởng không thể đợi lâu hơn nữa, bèn tìm cách giúp Đức Chúa Trời làm thành lời hứa cho mình để có hi-vọng tương-lai. Nên Áp-ra-ham cưới nàng A-ga, bởi A-ga sanh ra Ích-ma-ên, là đứa con bởi ý riêng của ông bà mà có. Cả hai ông bà đều tạm vui, nhưng không theo ý Đức Chúa Trời, chỉ theo ý riêng của ông bà mà thôi.

Khi Y-sác, là đứa con theo lời hứa của Đức Chúa Trời, ra đời, thì luôn luôn có sự chống-trả và bất-hòa. Cảnh gia-đình của người thánh có sự bất-hòa, sanh ra nhiều nỗi phiền-não, đau-đớn, tại vì theo ý riêng, không vâng trọn ý Chúa. Bởi đó Sa-ra, vợ Áp-ra-ham, nói rằng: «Hãy đuổi nó đi đi, vì đứa trai của con đòi này sẽ chẳng được kế-nghiệp cùng con trai tôi, là Y-sác, đâu. Lời này lấy làm buồn lòng Áp-ra-ham lắm, vì có con trai mình» (Sáng 21: 10-11). Dầu vậy, ông cũng dứt tình với đứa con yêu-quí của ông, bởi ông kính-sợ và vâng mạng-lệnh Chúa hơn tình yêu của mình.

Khi Chúa gọi Phao-lô và ông đã quyết-định chỉ theo ý Chúa, thì ông tuyên-bố rằng: «Tôi không bán với thịt và huyết... Tôi không còn theo xác-

thịt mà nhận-biết ai nữa... Dầu tôi đã từng nhận-biết Chúa bởi cách ấy, nay tôi cũng không còn bởi cách ấy mà nhận-biết Ngài nữa.» Những lời tuyên-cáo ấy thật đã dạy ta rằng muốn nhận-biết Chúa và vâng lời Ngài cách trọn- vẹn, phải dứt tình với xác-thịt.

«Áp-ra-ham buồn lòng lắm, nhưng vâng-phục Chúa, «đậy sớm, lấy bánh và bầu nước, đưa cho A-ga, để các món đó trên vai nàng, và giao đứa trai cho nàng, rồi đuổi nó đi. Nàng ra đi, đi đông-dài trong đồng-vắng Bê-e-Sê-ba» (Sáng 21: 14). Ta thấy một cảnh-trạng thương-tâm: một người mẹ, một đứa con thơ với một ít bánh khô và một bầu nước. Từ-giã người chồng, người cha yêu-quí, hai mẹ con từ từ vào trong đồng vắng minh-mông. Bánh hết, nước cạn, đứa trẻ khóc, mẹ nó cũng «la-khóc.» Tiếng náo-nùng, ai-oán từ trong đồng-vắng đưa ra, kêu-gọi cái lòng yêu-đương của người làm cha, làm chồng. Áp-ra-ham quay lưng lại, bỏ mặc cho phong-trần đầy-đọa, đành dứt tình với cái cảnh thương-tâm ấy. Thật đau-khổ biết bao, nhưng đã quyết-định dứt tình với xác-thịt, ông từ từ bước vào trong nhà âu-yếm đứa con của lời hứa và theo ý của Đức Chúa Trời, là Y-sác.

Hỡi các bạn yêu-quí, bạn gặp cảnh-trạng đau-khổ và thương-tâm như Áp-ra-ham chẳng? Năm mới này Chúa muốn bạn dứt tình với xác-thịt (bởi «ai chăm về xác-thịt thì sanh ra sự chết»), nắm lấy lời hứa của Đức Chúa Trời thành-tín, khoái-lạc, yên-nghỉ trong ơn-phước thiêng-liêng của Chúa chúng ta — «Hãy khoái-lạc nơi Đức Giê-hô-va, thì Ngài sẽ ban cho người đều lòng mình ao-ước» (Thi 37: 4).

IV. Đoạn-tuyệt cùng Y-sác, là đứa con người yêu-quí. — Y-sác là đứa con yêu-dấu, âu-yếm và thỏa lòng của Áp-ra-ham, vì con ấy là bởi Đức Chúa Trời làm thành lời hứa của Ngài, cũng là vinh-hiến của hậu-tự ông. Song Chúa muốn thử xem ông vâng lời và

yêu-mến Chúa thế nào? Kinh-Thánh chép rằng: «Khi mọi việc kia đã xong... Chúa muốn thử Áp-ra-ham... Ngài phán: Hỡi Áp-ra-ham... Hãy bắt đứa con một người yêu-dấu, là Y-sác, và đi đến xứ Mô-ri-a, nơi đó dâng đứa con làm của-lễ thiêu ở trên một hòn núi kia mà Ta sẽ chỉ cho.»

Đây lại thấy một cảnh thương-tâm hơn nữa: Một người cha già, một đứa con trẻ đang leo lên chót núi, với các vật dùng làm của-lễ thiêu. Con hỏi cha rằng: Cha ơi! Củi đây, lửa đây, nhưng chiên con đâu có dâng dùng làm của-lễ thiêu? Bởi câu hỏi đó, Áp-ra-ham nhìn con nảo-nùng, đau-đớn! Người đáp: «Con ơi, chính Đức Chúa Trời sẽ sắm sẵn chiên con dâng dùng làm của-lễ thiêu.» Nói xong, «người lập bàn-thờ, chất củi lên, trói con mình lại, để trên đồng củi của bàn-thờ làm của-lễ.» Bàn-thờ trên núi Mô-ri-a thật là hùng-tráng và vĩ-đại hơn hết. Áp-ra-ham trói Y-sác, con yêu-dấu của mình, đặt trên bàn-thờ làm của-lễ dâng cho Chúa!

Hỡi các bạn, năm mới này Chúa chúng ta muốn chúng ta dâng những đều quý nhứt của chúng ta cho Ngài. «Hãy bỏ đi mọi đều ô-uế và mọi đều gian-ác còn lại, đem lòng nhu mì nhận lấy lời đã trồng trong anh em, là lời cứu được linh-hồn anh em» (Gia 1: 21). Dầu trái ý của chúng ta, dầu không hiệp theo trí-khôn, dầu đau-đớn và thiệt-hại cho chúng ta, chúng ta cũng nên theo gương của ông Áp-ra-ham. Chắc năm mới này, Chúa muốn chúng ta bước một bước dài và sâu-nhiệm trong cuộc đời mới với Ngài. Chúng ta phải nói với Y-sác của mình như Áp-ra-ham đã nói rằng: «Con ơi, chính Đức Chúa Trời sẽ sắm sẵn.» «Rồi Áp-ra-ham đi, theo lời Đức Giê-hô-va đã phán-dạy» (Sáng 12: 4).

Bốn bước «chia ra» quan-trọng trong đời của Áp-ra-ham tóm lại là: 1) Ra

khỏi quê-hương. 2) Lià-bỏ Lót. 3) Dứt tình với Ích-ma-ên, và 4) Đoạn-tuyệt cùng Y-sác. So-sánh với bốn lần lập bàn-thờ: 1) Bàn-thờ kỷ-niệm sự hiện ra của Chúa (Sáng 12: 7). 2) Bàn-thờ cầu-khẩn với Chúa (Sáng 12: 8). 3) Bàn-thờ bỏ mình (Sáng 13: 18). 4) Bàn-thờ dâng mình (Sáng 22: 9). Bốn đều này cho ta biết mỗi bước chia-rẽ là một dịp gặp Chúa và đi sâu-nhiệm trong sự thờ-phượng Ngài. Năm mới này Chúa muốn các bạn chia-rẽ với thế-gian, với danh-lợi, với tánh-tình của xác-thịt, và với những sự quý-chuộng trong đời mình. Nếu các bạn bằng lòng chia-rẽ, thì chắc sẽ gặp Chúa và đồng đi cách sâu-nhiệm với Ngài.

Ấy chẳng khác nào tiên-tri Ê-xê-chi-ên có sự hiện-thấy con sông từ đền-thờ chảy ra. Đo một ngàn cu-đê, bảo ông lội qua, nước đến mắt cá, chỉ về sự bước theo Đức Thánh-Linh. Đo một ngàn cu-đê nữa, ông lội qua mực nước đến đầu gối, chỉ về sự quì gối cầu-nguyện theo ý Đức Thánh-Linh. Đo một ngàn cu-đê nữa, tiên-tri lội nước đến hông, chỉ về sự nên thánh của xác-thịt. Đo một ngàn cu-đê nữa, nước minh-mông thành một con sông, phải bơi mà cũng không ai qua được, chỉ về quyền-phép vô-cùng và sự sâu-nhiệm của Đức Thánh-Linh. Nào ai là người đủ tài-trí để đo-lường, dò-xét được?

Hỡi các bạn yêu-quí, bốn bậc trong sự hiện-thấy của tiên-tri Ê-xê-chi-ên so với bốn sự chia-rẽ của Áp-ra-ham, cho ta thấy bốn bước trong đời mới của chúng ta: Bước theo Đức Thánh-Linh, cầu-nguyện, nên thánh và sâu-nhiệm trong đời thiêng-liêng, tràn-ngập quyền-phép Đức Thánh-Linh. Nguyên năm mới này chúng ta được chia-rẽ với những sự vắn-vương không đẹp lòng Chúa, và được sâu-nhiệm trong quyền-phép vô-cùng của Đức Thánh-Linh.

AI CHÚC T. K. B. PHÁT-ĐẠT THÌ NÊN LÀM THỰC-HIỆN LỜI CHÚC ẤY!

**BẮC-KỲ**

Thánh-Kinh Báo chứng thực quyền Chúa.—Số báo này chấm hết hạn mua báo đồng-niên (từ Mars 1938 đến Février 1939). Chúng tôi xin lớn tiếng ngợi-khen Đức Chúa Trời và cảm-tạ anh chị em yêu-dấu trong Hội-Thánh.

Trong khi nhiều tờ báo phải đình-bản vì tài-chánh thiếu trước hụt sau, hoặc kém phần xuất-sắc vì không kể góp-gom

Vậy thì với lòng tin vững-vàng ấy, với sự tương-ái bền-chặt ấy, chúng ta hãy nắm tay nhau mạnh-dạn bước vào năm mới.—*T. K. B.*

Hội-đồng Bắc-hạt sẽ nhóm-họp tại chi-hội Bắc-giang từ ngày 28 đến ngày 31 Mars 1939, rất mong các anh em chị em yêu-dấu trong Chúa cầu-nguyện nhiều để Chúa sẽ đổ đầy-dẫy Đức Thánh-Linh trên kỳ Hội-đồng này.—*Lê-văn-Thái.*



Tàu Tin-Lành

tài-liệu, Thánh-Kinh Báo vẫn sống, vẫn làm bạn yêu-quí của mỗi gia-đình tín-đồ, vẫn được mọi người trong Hội Tin-Lành vừa-giúp. Nhứt là trong mấy số báo gần đây, anh chị em càng nhận thấy sự gắng-gỏi đáng cảm-động của Thánh-Kinh Báo.

Số tiền năm vừa qua còn đọng lại không mấy, chúng tôi tin rằng anh em nào còn thiếu sẽ vui lòng trả đủ trước ngày tết ta.

Và cũng trước ngày ấy chúng tôi mong rằng được một số độc-giả gấp rưỡi năm ngoái, hầu cho có thể hạ giá xuống 1\$00 một năm, 0\$60 nửa năm. Dám chắc hết thấy anh chị em, bất luận lớn, nhỏ, già, trẻ, sẽ làm độc-giả yêu-quí của Thánh-Kinh Báo, sẽ cổ-động riết cho Thánh-Kinh Báo, và sẽ vừa-giúp Thánh-Kinh Báo đủ mọi phương-diện.

Cùng các ban làm chứng ở Địa-hạt Bắc-kỳ.—Xin các ban làm chứng trong Địa-hạt Bắc-kỳ kíp gởi tờ khai công-việc của các ban trong chi-hội mình để tiện việc làm sổ-sách. Rất cảm ơn.—*Lê-văn-Thái.*

NAM-KỲ

Tàu Tin-Lành.—Bấy lâu nay quý ông bà thường nghe sự tu-bổ Tàu Tin-Lành. Vì sao thế? Là vì nó cứ chạy trong chỗ nước mặn, lại còn máy chạy ở trong. Phần chiếc Tin-Lành lúc đóng thì ông bà H. A. Jackson không có ý chạy máy ở trong, nên chạy không bao lâu thì các đường hèm đều nhóm cả và nước mặn vô, mà hễ nước vô thì phải chạy về chữa lại. Nếu để lâu, các đinh và *boulons* bị rết mục hư hết.

Rất cảm ơn Chúa, Ngài có cho chúng tôi

sửa lại kỳ này cách đặc-biệt, cả thảy trên, dưới, trong, ngoài, đều như mới cả. Theo như hình quí ông bà thấy đây, có thêm một phòng phía sau, bề thâm 2m80, bề ngang 3m40; sườn và nền toàn bằng cây sao, chung-quanh có bảy cửa đều bằng cây thao-lao, trên lợp bằng kẽm. Phía trong có nơi làm máy, có bếp có bàn ăn, có phòng tắm, và phía sau có tấm vĩ bề ngang một thước, bề giải 2m80. Có hai phòng khách phía trong, một cho đờn-bà có đủ chỗ cho 10 người ngồi rộng-rãi. Có phòng ăn, và ba phòng ngủ, với hai học đựng nước (*citerne*) chứa được 80 thùng nước mưa đủ dùng trong hai tháng. Phía dưới lườn hiện nay không giắt kẽm mà là giắt thứ cây dền-dền, thứ cây này có thể ở dưới nước mặn mà không ăn, lại bao lâu cũng không mục. Như vậy, chiếc Tin-Lành chuyển này lâu lắm mới chữa lại.

Có đều cảm ơn Chúa, là trong chiếc Tin-Lành thì không có máy nữa, phòng máy lúc trước nay làm phòng khách cho đờn-bà. Chúa có cho chúng tôi một cái *canot demi course*, bề giải 6m80, bề ngang 1m60, bề sâu 1m25; chúng tôi lấy cái máy trong chiếc lớn mà đặt qua để kéo, như vậy chiếc Tin-Lành bình-yên không có rung-rinh nữa. Lúc trước phải có nước sâu đến 1m50 mới chạy được, hiện nay, 1m00 là chạy được rồi.

Đi các nơi gần, thì chúng tôi dùng *canot* chạy đi rồi lại chạy về, chiếc lớn dùng như nhà ở mà thôi. Còn sự vận-tải, mỗi hai tháng phải đi ra chợ một lần lãnh tiền và mua các đồ nhu-cần trong hai tháng. Không như trước phải mất cả tuần-lễ, đi cả đêm mới về đến được, nay chỉ tốn một ngày cả đi và về, thật là tiện lắm.

Sự sửa-sang và mua đồ mới tốn 1078\$71. Rất cảm ơn Chúa vì Chúa cho chúng tôi đủ mọi sự!

Kỳ sau sẽ có hình cái *canot* và đăng công-việc làm tại Tran-tran với số tiền của các nhà từ-thiện gởi giúp.

Ban Truyền-đạo đã làm công-việc tại Tran-tran, ngoài lễ Giáng-sanh thì đi Sông-đốc, Sở, Cải-tàu. Xin quí ông bà nhớ Ban Truyền-đạo cầu-nguyện nhiều cho chúng tôi. Rất cảm ơn!—Huỳnh-văn-Ngà.

TRUNG-KỲ

Tiểu-ban phong chức mục-sư cho hai ông Lê-Đặng và Lê-Châu đã họp tại

Tourane, hồi 9 giờ sáng ngày 29 Décembre 1938. Hiện-diện có các ông Hội-trưởng Mậu-Hội E. F. Irwin, ông Đốc-học H. H. Hazlett, ông Mục-sư I. R. Stebbins, ông Chủ-nhiệm Đoàn-văn-Khánh, ông Mục-sư Nguyễn-xuân-Diệm, hai ông Giáo-sư Lê-văn-Long và Ông-văn-Huyền.

Ông Chủ-nhiệm Đoàn-văn-Khánh chủ-tọa, mời ông Hội-trưởng Mậu-Hội cầu-nguyện về việc thăm-vấn hai ông Truyền-đạo Lê-Đặng và Lê-Châu.

Thuận-cử ông Ông-văn-Huyền làm thư-ký, ông Hazlett thăm-vấn về lễ đạo, ông Lê-văn-Long thăm-vấn về từng-trải, ông Nguyễn-xuân-Diệm thăm-vấn về sự kêu-gọi, ông Irwin và ông Stebbins làm cố-vấn.

Sau khi thăm-vấn, tiểu-ban bằng lòng phong chức Mục-sư cho hai ông Truyền-đạo trên đây. Lễ phong chức cử-hành vào hai giờ chiều cùng ngày ấy.

Thuận-cử ông Giáo-sư Lê-văn-Long giảng về: «Bổn-phận Mục-sư đối với Hội-Thánh» khi cử-hành lễ phong-chức. Còn về vấn-đề «Hội-Thánh đối với Mục-sư» để khi ông Chủ-nhiệm đến bổ chức sẽ giảng cho hai chi-hội Quế-sơn và Faifoo. Thông-quá.—*Chủ-tọa: Đoàn-văn-Khánh; Thư-ký: Ông-văn-Huyền.*

Hội đồng Địa-hạt Nam-kỳ sẽ nhóm tại chi-hội Tân-thạch từ 1 đến 3 Mars 1939. Nhờ quí anh chị trong các hội cầu-nguyện cho kỳ Hội-đồng này được đầy ơn của Chúa.—*Lê-văn-Quế.*

TRONG GIA-ĐÌNH

Ngủ yên trong Chúa

Bà Nguyễn-thị-Mão, nội-tướng ông Nguyễn-an-Cư, tại Kampot (17-12-38).

Cô Nguyễn-thị-Thanh-Hương, ái-nữ cụ Nguyễn-gia-Thur, tại Hà-nội (29-12-38).

Em Nguyễn-dăng-Quang, con ông bà Nguyễn-đồng-Phụng, tại Hà-nội (13-1-39).

Bản-báo xin thành-thực chia buồn cùng các tang-quyến.

HỈ-TÍN

Ngày 2 Janvier 1939, thầy Tôn-kim-Sua thành-hôn cùng cô Đỗ-ngọc-Hương, ái-nữ ông Đỗ-phước-Tiên tại Bắc-liêu (2-1-39).

Xin chúc mừng đôi bạn được lập gia-đình đầy hạnh-phước.—*Lê-văn-Cung.*

GIẢI NGHĨA KINH-THÁNH

THƠ GIA-CÔ

MỤC-SƯ H. H. HAZLETT

ĐOẠN THỨ BA

(Tiếp theo)

(3) Một chút lửa đốt cháy rừng (3 : 5, 6). — Hai thí-dụ trên tỏ-bày quyền của lưỡi, còn thí-dụ này giải-tỏ cách-thức nó làm hại nhiều người. «Cái lưỡi là một quan-thể nhỏ, mà khoe được những việc lớn.» Những việc lớn của cái lưỡi làm ra là thế nào? Ví bằng loài người không có lưỡi thì dùng chi mà làm ra những việc tốt như là giảng, diễn-thuyết, hát thơ thánh, khuyên-lơn người yếu-đuối trong đức-tin, yên-ủi kẻ nào gặp sự buồn-rầu? Còn người ác thì sẽ lấy chi mà rửa-sả, chửi-mắng, thêu-lẻo, xui-giục kẻ khác phạm tội, v.v.? Mà bao nhiêu việc lớn nó gây ra thì luôn luôn do bởi việc nhỏ, chẳng khác nào một «cái rừng lớn chừng nào mà một chút lửa có thể đốt cháy lên,» chớ không cần ai đem lửa đốt từng cây một mới tàn-phá được như thế.

Vậy, vì tác-giả muốn ứng-dụng thí-dụ quan-hệ này cho mọi người được rõ, ông lại nói rằng: «Cái lưỡi cũng như lửa,» vì do việc nhỏ khi ban đầu mà gây ra biết bao việc ác lớn! Vua Sa-lô-môn cũng đã làm chứng rằng: «Trên môi nó có như ngọn lửa hừng» (Châm 16 : 27). Lưỡi như lửa, là «nơi đô-hội của tội-ác ở giữa các quan-thể chúng ta (nghĩa là nơi dồn lại và phát-hiện các thứ tội-ác), làm ô-uế cả mình, đốt cháy cả đời người.»

Khi cái lưỡi mình đã bị cháy đỏ lên rồi, thì nó làm cháy bốc cả đến sự tham-lam, sự ganh-tị, sự giết người, sự dâm-dục, v.v. Lại nữa, nhiều y-

khoa bác-sĩ quả-quyết rằng có nhiều người mắc bệnh trái tim, đau óc, đau dạ dày v.v., chỉ vì hay nổi giận và những hạch trong thân-thể họ phát ra một thứ thuốc độc khiến cho họ lâm bệnh như thế. Có thể làm hại phần xác nhiều như vậy, những lời gièm-pha của lưỡi càng làm thiệt-hại cho đời thiêng-liêng hơn nữa, và lại di-lụy đến kẻ khác không chừng.

Lửa đốt cháy cái lưỡi là do bởi đâu? «Chính mình nó đã bị lửa địa-ngục đốt cháy,» chớ lửa thánh của Chúa thì chỉ có linh-nghiệm để thiêu-đốt mọi sự gian-ác và đối-trá của chúng ta thôi (Ê-sai 6 : 5-7 ; Sứ 2 : 3). Nguyên Chúa ban ơn cho ta chỉ biết dùng đến lửa thánh của Chúa mà thôi!

(4) Sự bắt-phục loài thú-vật (3 : 7, 8). — Từ ban đầu Đức Chúa Trời đã lập loài người lên để quản-trị các loài thú, và dầu nhiều con thú dữ ở ngoài rừng có thể làm hại người ta, song cũng có người có tài-năng để trị-phục nó và dùng nó làm lợi cho mình. Dầu vậy, có lẽ chính người ấy lại là kẻ bất-tài hơn hết về sự trị-phục «con thú» nhỏ trong miệng mình, tức là cái lưỡi của mình. Việc ấy chỉ một mình Đức Chúa Trời làm được cho kẻ nào tin-cậy Ngài. Vua Đa-vít khuyên rằng: «Khá giữ lưỡi mình khỏi lời ác, và môi mình khỏi nói sự dối-gạt» (Thi 34 : 13); còn ông Phao-lô cũng có dạy-dỗ tín-đồ rất hay về lời nói xứng-đáng của họ trong thơ Ê-phê-sô 4 : 29 và 5 : 4.

Cái lưỡi không những «là một vật

dữ người ta không thể hãm-dẹp được,» mà nó lại «đầy-dẫy những chất độc giết chết.» Con rắn lục kia vốn có chất độc dưới lưỡi nó, song cũng có người giỏi trị-phục nó, đến nỗi nó không cắn họ được. Dầu vậy, cũng có lúc nó cắn người ấy, hưởng chi cái lưỡi mà người ta chưa biết trị-phục! Như trên kia có luận về cái lưỡi bị lửa địa-ngục đốt cháy, thì cũng một thể ấy (dầu Gia-cơ không nói rõ ở đây), chắc cái chất độc này đến từ ma-quỉ mà thôi. Tại có ấy vua Đa-vít cũng có chép rằng: «Chúng nó nói dối lầm-lạc từ khi mới lọt lòng mẹ, nọc độc chúng nó khác nào nọc độc con rắn. Chúng nó mài nhọn lưỡi mình như rắn, có nọc độc rắn hổ trong môi mình» (Thi 58: 4; 140: 3).

Vua xứ Ê-díp-tô ngày xưa, tên là A-ma-si-a, bảo đầy-tớ đem một con bò cho Bias, nhà văn-sĩ trứ-danh, dùng để dâng tế-lễ, và có dặn kỹ đầy-tớ ấy hãy xin nhà văn-sĩ gởi phần tốt nhất và phần xấu hơn hết của con bò về cho vua trước khi thiêu. Ông Bias chỉ gởi có cái lưỡi con bò về cho vua mà thôi.

Có một người nói rất hữu-lý rằng sở dĩ Đức Chúa Trời đặt cái lưỡi người ta ở phía trong miệng và dường như có răng và môi-miệng làm hai hàng rào đặng giữ-gìn cái lưỡi, là vì Chúa vốn toàn-tri và biết rõ mọi sự thiệt-hại quan-thể ấy có thể gây ra nếu không có gì ngăn-ngừa nó. Nhưng than ôi, ví bằng ta không nhờ Chúa giữ-gìn và hạn-chế cái lưỡi, thì hai hàng rào kia cũng là vô-dụng!

(5) Nước ngọt và nước đắng (3: 9-11, 12b).—Trước kia ông Gia-cơ đã dạy về địa-vị nguy-hiểm của một người phân-tâm (1: 5-8), bây giờ ông cũng dạy về hạng người «phân lưỡi.» Ấy là nói về những người khi gặp nhau thì ân-cần niềm-nở, nhưng khi từ-biệt nhau rồi và gặp người khác thì lại nói hành chính người mình vừa tiếp-đãi tử-tế đó. Chúng ta đáng phải dùng lưỡi mình mà ngợi-khen Chúa không

thôi; mà hễ lưỡi nào đã làm như vậy thì lẽ đâu đi rửa-sả anh em mình, «là loài tạo theo hình-ảnh Đức Chúa Trời» (Thi 51: 15; 146: 1; Gi. 7: 49; Rô 12: 14). Vả, Sứ-dồ Giăng cũng có làm chứng rằng: «Ví có ai nói rằng: Ta yêu Đức Chúa Trời mà lại ghét anh em mình, thì là kẻ nói dối; vì kẻ nào chẳng yêu anh em mình thấy, thì không thể yêu Đức Chúa Trời mình chẳng thấy được» (I Gi. 4: 20). Vì có lẽ nào một cái suối kia, đồng một mạch mà ra cả nước ngọt và đắng sao? Mạch nước mặn cũng không có thể chảy ra nước ngọt được nữa.» Vậy thì lưỡi của tín-dồ chỉ nên dùng về việc tốt-lành, chớ hề nên dùng mà rửa-sả.

(6) Cây vả và cây nho (3: 12a) — Đức Chúa Jê-sus có phán rằng: «Cây sanh trái xấu không phải là cây tốt, cây sanh trái tốt không phải là cây xấu, vì hễ xem trái thì biết cây. Người ta không hái được trái vả nơi bụi gai, hay là hái trái nho nơi chùm kinh-cước» (Lu 6: 43, 44). Chắc ông Gia-cơ còn nhớ sự dạy-dỗ của Đức Chúa Jê-sus đó khi ông dùng đến thí-dụ chót này, và đại-ý là ông muốn tỏ cho chúng ta biết rằng chẳng phải do lưỡi cố-ý nói lầm-lỗi như vậy, bèn là tại chúng ta chan-chứa những điều xấu-xa ở trong lòng. Vì có ấy lưỡi buộc phải nói những điều đó ra, «vì các nguồn sự sống do nơi» tâm lòng loài người «mà ra» (Châm-ngôn 4: 23).

VII. Sự khôn - ngoan giả và sự khôn-ngowan thật (3: 13-18). — Khúc sách này quan-hệ mật-thiết với khúc trước nói về sự nguy-hiểm của lưỡi. Tác-giả còn đương suy-gẫm về hạng người khoe đức-tin của họ mà kỳ-thật thiếu việc làm, đủ minh-chứng rằng họ không tin Đức Chúa Jê-sus chút nào! Bây giờ trong Hội-thánh đã có nhiều phe-đảng rồi, nên Gia-cơ muốn tỏ cho độc-giả sự khôn-ngowan thật để họ khỏi sa vào sự cám-dỗ của những kẻ xưng mình là khôn-ngowan, song chỉ dạy tà-giáo mà thôi. (Còn tiếp)



VƯỢT CƠN BÃO-TỔ

TÁC - GIẢ : J. HARDIBROOK



(Tiếp theo)

CHÀNG sẽ được phép nắm-giữ không cứ mỗi dục-vọng chánh-đáng nào. Nhưng chàng đui-mù và điên-dại, nên đã tình-nguyên từ-bỏ mỗi hi-vọng tốt-đẹp đường ấy để được một địa-vị bấp-bênh; bây giờ ở trong địa-vị này, chàng càng lâu càng thấy mình khốn-cực.

Ý-tưởng trên đây khiến lòng chàng đắng-cay khôn xiết.

Nhưng bức thư của Ê-mi-li còn báo nhiều tin bối-rối nữa, tức là mới đây hành-vi chàng làm cho sức mạnh của mẹ chàng phải kém-sút. Luy-xi ra đi và Duệ-la mất nết, hai sự đó quá sức chịu-đựng của thân-thể bà Vệ-nỗ-linh vốn đã yếu-đuối.

Vậy, Ê-mi-li nài-xin chàng hãy về ở nhà ít nhứt là một ngày trước khi em nuôi cất bước. Có lẽ họ không còn dịp-tiện sum-vầy thân-mật như vậy nữa.

Trái tim của Duệ-la nhẩy mừng vì chàng nghĩ rằng mình lại được ở chốn gia-đình êm-ấm. Từ ngày lia-bỏ chốn gia-đình ấy, lần này là lần thứ nhứt chàng không cố tìm ra một duyên-cớ để từ-chối lời mời. Chàng rất lo-lắng cho mẹ và cũng không muốn bỏ qua dịp-tiện từ-giã Luy-xi lần cuối-cùng. Vậy, nhứt-định xin nghỉ một ngày, chàng bèn xin vào nói chuyện với ông chủ ngay chiều bữa đó; chàng ít nghi-ngại rằng cuộc nói chuyện kia sẽ có kết-quả không hay.

Giữa Duệ-la và ông Mễ-linh thường xảy ra những chuyện cãi-lầy nhỏ-mọn vì có ông Mễ-linh có lắm cách cử-chỉ kiêu-hãnh và quen thói bắt-bẻ mọi sự.

Duệ-la hay chống-cãi những lời quở-trách mà mình không đáng chịu; chàng cũng khá vụng-về nên không biết giấu sự căm-hờn.

Ông Mễ-linh có cuốn sổ ghi-chép mọi lỗi của các nhơn-viên, cả đến những lỗi nhẹ nhứt cũng vậy. Khi nào thỉnh-linh có chuyện rầy-rà to-lớn, ông bèn xỏ ra từng khoản đáng khiển-trách để đề-nén kẻ có lỗi. Duệ-la cũng không thoát khỏi

những cách trở mặt ấy; đã nhiều lần chàng có vẻ mặt tức-giận bùng-bùng sau khi cáo-từ ông chủ.

Chẳng may buổi chiều đó ông Mễ-linh mới nhận được những tin-tức chẳng lành. Ông hùn vốn vào một vụ đầu-cơ, nhưng đã thất-bại và lỗ mất nhiều tiền. Nếu biết việc xảy ra trong ngày hung-dữ ấy, ắt Duệ-la không đến xin ông chủ ban ơn. Nhưng chàng không biết, nên cứ bình-tĩnh đến buồng giấy ông Mễ-linh.

Thấy chàng đi vào, ông cất giọng tức-giận hỏi rằng :

— Cha chả ! Thầy còn muốn chi nữa ?

— Thưa ông, tôi đến xin ông cho nghỉ một ngày. Sáng nay tôi nhận được bức thư của người nhà, và...

Nhẹ mình vì có thể đỡ cơn giận trên Duệ-la, ông chủ bèn quát-thét nhứt-nhiệm :

— Nghỉ à ! Nghỉ đương khi công-việc chậm-trễ và chẳng ai làm chi hết à ! Mà lại nghỉ cả một ngày chớ ! Sao thầy không xin nghỉ một tuần-lẽ luôn thể ?

Duệ-la đáp :

— Thưa ông, tôi chỉ muốn nghỉ một ngày hoặc vài giờ cũng được.

Ông chỉ cười nhạo mà rằng :

— Thầy chỉ muốn chừng ấy ! Ông trẻ ơi, tôi cũng phục sự can-đảm của ông. Ông muốn, nên mới đến đây tỏ cho tôi biết ý-muốn của ông !

— Thưa ông, tôi hối-hận vì đã dùng chữ ấy. Tôi không muốn nói-năng vô-lẽ. Tôi chỉ muốn thưa với ông rằng mẹ tôi đau-yếu, và...

— Việc ấy có ích chi cho tôi ? Mẹ thầy không quan-hệ đến tôi. Mẹ thầy đau-yếu hay không, nào có liên-lạc chi với công-việc trong nhà máy này ? Thầy hãy đi làm việc mau ! Và nhứt là đừng nói đến những chuyện nghỉ việc, mẹ đau... cùng mọi sự bậy-ba đó nữa.

Nghe mấy lời hung-ác và thô-tục ấy, Duệ-la bèn nổi-giận, mặt đỏ bừng. Chàng hồng nói theo giọng ấy để nhắc cho ông

chủ nhớ bồn-phận, nhưng chàng lại thẹn mình được. Một lát sau, chàng cất giọng run-run vì đã bất-bình mà rằng:

— Thưa ông, tôi muốn biết rằng ông đã từ-chối đều tôi xin hay chăng?

Nổi giận ghê-gớm, ông Mễ-linh đứng dậy, mở cửa, gầm-thét rằng:

— Thầy cần biết rằng thầy có bồn-phận ra khỏi nơi này, không được đem những việc nhà mà làm mất thì-giờ của tôi. Đi đi, bước đi!

Quen xô lộn nhào những kẻ ở dưới quyền mình, quen thấy họ cong lưng trước mặt mình và tái xanh vì khiếp-sợ, ông Mễ-linh bèn nắm tay giờ lên, tiến đến trước mặt Duệ-la, nắm chặt cánh tay chàng, xô chàng ra phía cửa, và thốt một lời tục-tỉu phạm đến mẹ chàng.

Duệ-la mất trí-khôn vì bị thái-độ và lời chửi-rủa ấy làm cho điên-cuồng. Chàng hoa mắt, xây lại, thoi vào mặt ông chủ một cái; ông ngã lăn dưới đất. Chàng chẳng nghĩ đến sự hành-hung ấy có kết-quả nào, và hầu như chẳng biết mình vừa mới làm gì.

Nhơn-viên các buồng giấy kéo đến xem tấn náo-kịch rất là mau-chóng, vì nghe tiếng cãi-lầy, tiếng đánh lộn và tiếng ông Mễ-linh tru-tréo. Đương khi bốn bề lộn-xộn, Duệ-la trốn thoát. Mặt sừng bầm và chảy máu, ông Mễ-linh quát bảo bắt chàng và gọi cò-bóp. Nhưng các bạn đồng-sự của chàng sợng ngăm vì ông chủ tàn-ác đã được một bài học rất xứng-đáng, nên họ chẳng chút nòng-nả làm theo lời ông. Trước khi nhà máy lại yên-ổn như cũ, thì Duệ-la đã chạy xa rồi; chàng tức-giận và bối-rối đến nỗi không biết đúng cơ-sự mới xảy ra.

Đương khi tư-tưởng rối-loạn, chàng cũng chẳng nghĩ ra rằng bây giờ mình được tự-do trở về nhà mẹ. Chàng muốn ở một mình để tĩnh lại đôi chút và xem-xét sự thực. Bồn-chồn rảo bước đi khắp các phố trong khoảng hơn một giờ, chàng chẳng biết mình đi về hướng nào và chẳng hay trời đã tối sập.

Rốt lại, thần-kinh đã hơi yên-ổn và tinh-thần đã bình-tĩnh, chàng mới mập-mờ thấy những hiệu-quả của công-việc mình. Từ nay trở đi chàng không thể trở lại buồng giấy đó nữa; dầu chữa mình và xin lỗi một cách khấp-nép, hèn-hạ hơn

hết, chàng cũng không thể làm động lòng ông chủ hung-ác kia. Nếu không bị bắt và bỏ tù, chàng cũng chỉ liều thân hừng thêm lấy những lời chửi-rủa và ngăm-đe tàn-nhân gấp bội.

Chàng đi chậm hơn và nhìn chung-quanh mình. Bảy giờ bóng tối mịt bao-vây chàng khắp mọi chỗ như cái áo choàng đen sì. Chàng đi đến khu đất bỏ hoang thuộc về một xóm cách xa trung-ương thành-phố. * Chỗ này vắng-vẻ, quạnh-hiu, rải khắp đủ thứ rác-rén của thành-phố lớn. Chẳng có một ngọn cỏ, một căn nhà hoặc một người nào.

Ở đằng xa trăm ngàn ngọn đèn của thành-phố chiếu sáng, và ngọn lửa của các lò nung làm đỏ rực một góc trời.

Đó có sự hoạt-động, sự sống, sự quay-cuồng; còn đây có sự tối-tăm, sự yên-lặng, sự buồn-thảm.

Lòng đã tuyệt-vọng, Duệ-la Vệ-nỗ-linh đi đông-dài trong những nơi vắng-vẻ, khô-khan ấy, tức là hình-ảnh của cuộc đời chàng. Chàng nhìn-xem mọi mộng-tưởng và hi-vọng của mình tiêu mất.

CHƯƠNG THỨ MUỖI SÁU

HÀNG LỆ PHÂN-LY

Ê-MI-LI không nhận được thư phúc-đáp của Duệ-la, và chính mình chàng cũng không về đến nhà. Vì ngày Luy-xi ra đi đã gần rồi, nên cô lại gởi cho chàng một bức thư nữa, nhưng vẫn vô-hiệu. Rốt lại, nhằm bữa áp ngày Luy-xi lên đường, Ê-mi-li bèn theo lời mẹ nài-nỉ mà nhứt-định thân đi tìm-kiếm Duệ-la. Bà chủ nhà cho cô hay rằng chàng bỏ đi rất thình-linh, không nói duyên-cớ vì đâu và cũng không cho biết chỗ ở mới.

Nghe tin bối-rối ấy, Ê-mi-li trở về nhà, lo-buồn khôn xiết. Cô không dám bày-tỏ hết sự thực với bà Vệ-nỗ-linh, e rằng làm cho tinh-thần và thân-thể bà bị kích-thích quá mạnh. Số là ngày nào bà mẹ đáng thương cũng khóc-lóc ngấm-ngấm vì có cậu con trai yêu-dấu đã phóng-đăng. Ê-mi-li kinh-hãi khôn xiết vì thấy bà càng ngày càng gầy- ốm, xanh-xao; cô gắng hết sức để làm cho bà sanh hi-vọng! Nhưng Luy-xi ra đi cũng là một cơ khiến bà buồn-rầu, ốm-yếu.

Vậy, buổi tối đó, buổi tối cuối-cùng họ được sum-họp cùng nhau, nặng-trĩu những buồn-rầu cùng sợ-hãi. (Còn tiếp)

MỘT CUỘC PHÒNG-VẤN

ĐẠI-ĐẾ SA-TAN hiệp ý cùng Thủ-tướng XÁC-THỊT và Thượng, Hạ nghị-viên của toàn-quốc mình, là THẾ-GIAN, sắc-phong ông TỘI-LỖI làm đại-nguyên-soái chỉ-huy hết các quân-đội rầm-rộ tiến đánh nước LINH-HỒN.

Được tin, nhiều tờ báo danh-tiếng phái phóng-viên mình ra mặt trận để lấy tin-tức. Tôi cũng hân-hạnh được một tờ báo kia phái đi. Nhưng đang đi đường, liền nghe tin nước LINH-HỒN thắng trận cách vẻ-vang, oanh-liệt, và đã kéo quân khải-hoàn. Rất ái-ngại đi không về rồi, nên tôi thẳng đến kinh-đô nước LINH-HỒN, đưa danh-thiếp xin phỏng-vấn viên phát-ngôn bộ tham-mưu về trận đại-chiến này.



Bảy giờ rưỡi sáng, tôi đã sẵn-sàng đứng trước cửa bộ tham-mưu. Sau khi đưa danh-thiếp tôi và vài tờ giấy khác, tôi phải đợi mấy giờ, người ta mới đưa tôi vào một phòng kia. Phòng này không rộng, không hẹp, chưng-bày đơn-sơ nhưng oai-nghiêm. Xung-quanh có độ 32 người làm việc. Còn viên phát-ngôn thì ở bàn giữa phòng: người không thấp không cao, bộ-dạng lẫm-liệt, khuôn mặt hồng-hào.

— Chào ngài, tôi chào.

— Chào ông. Viên phát-ngôn vừa trả lời, vừa bắt tay kéo ghế mời ngồi cách niềm-nở.

— Hôm nay tôi được hân-hạnh vào thăm ngài và thay mặt nhà báo chúng tôi chúc mừng quý-quốc về cuộc thắng trận này; cũng xin phỏng-vấn ngài về cơn đại-chiến vừa qua, ước-ao ngài vui lòng tiếp tôi lâu.

— Cám ơn ông cùng quý báo. Bộ tham-mưu chúng tôi nay cũng ít việc vì đã đình-chiến. Có vài giấy quan-hệ đã làm xong, các thư-ký đang đánh máy. Vậy, xin vui lòng nhận lời ông.

— Thưa ngài, chúng tôi muốn biết vì có gì ngòi lửa chiến-tranh bùng nổ

ở giữa quý-quốc cùng nước của Đại-đế SA-TAN, là hai nước đã ký hiệp-ước thân-thiện đễ-huề với nhau lâu nay. Mà đang khi cả thế-giới ước-ao, khao-khát cùng hô-hào chủ-nghĩa hòa-bình, hai nước lại không có phương-pháp gì cùng nhau đàm-phán cho ổn-thỏa, lại phải dùng đến võ-lực?

— Cũng vì tờ hiệp-ước ấy mới có cuộc chiến-tranh này. Ấy là sau khi bị ngón ngoại-giao quỷ-quyệt của quân địch phỉnh-dổ mà cụ cố Tổng-trưởng ngoại-giao A-ĐAM đã ký tờ hiệp-ước ấy tại điện Ê-đen. Từ đó lắm nhà khảo-sát chưa tường-tận vội đồn lên rằng nhờ có tờ hiệp-ước ấy mà Đại-đế SA-TAN giúp-dỡ chúng tôi, nên nước LINH-HỒN được thanh-vượng cả các phương-diện. Thật ra thì vì nghe lời ngon-ngọt cùng các lời hứa bánh vẽ mà nước LINH-HỒN chúng tôi lúc bấy giờ bội-ước cùng nước THIÊN-THƯỢNG và có ý chống-nghịch nữa. Vì có ấy vua nước THIÊN-THƯỢNG tuyệt-giao cùng nước chúng tôi. Thấy chúng tôi cô-lập và nắm được chỗ yếu, Đại-đế SA-TAN bề ngoài giả-bộ thân-thiện, nhưng ngầm-ngấm theo đúng chương-trình đồng-hóa của mình cùng thả ra lắm mồi bèo mua lòng quốc-dân chúng tôi, hòng chiếm hản lãnh-thổ. May thay, chúng tôi tỉnh-ngộ biết đã bước đến chỗ nguy-hiểm rồi, đã đem thân làm bạn cùng sư-tử dữ, bèn xé bỏ tờ hiệp-ước Ê-đen ấy đi, và toàn-quốc chúng tôi hết lòng trở lại nài-nỉ xin ký hòa-ước cùng vua nước THIÊN-THƯỢNG. Thấy chương-trình mình thất-sách và bất-lợi, Đại-đế SA-TAN giận-hoảng, cử binh thành-linh đánh úp chúng tôi. Bởi vậy, chúng tôi buộc phải động binh để bảo-vệ sanh-mạng quốc-dân, quyền-lợi và lãnh-thổ nước-nhà, chớ chúng tôi chẳng gieo nạn chiến-tranh đâu.

— Từ khi cuộc chiến-tranh gây ra đến lúc kết-liệu và quý-quốc đã thắng

trận vẻ-vang như thế, thì hai bên đã quyết-liệt cùng nhau cả thảy mấy trận?

— Cái đó thì tôi không nhớ hết; vì lúc đầu cuộc chiến-tranh còn nhỏ, nhưng sau nó lan rộng ra nhiều khu-vực và nhiều trận-địa.

— Trong các trận ấy quý-quốc được thắng-lợi mấy lần?

— Chúng tôi không hồ-thẹn mà thú thực rằng chúng tôi đã đại-bại tất cả các trận, trừ ra trận cuối-cùng là trận to nhất thế-giới xưa nay.

— Ngài có thể cho chúng tôi biết tại sao các trận ấy bị thất-lợi to như thế không?

— Lúc bấy giờ chúng tôi thật nghĩ nát óc mà không thấu rõ sự thất-bại phát-sanh từ đâu. Vì trong các trận ấy các chủ-tướng như Tổng-tư-lịnh LUẬT-PHÁP, Đô-đốc TỐT-LÀNH, Thống-chế BẢN-NGÃ và HAM-MUỐN, cùng các Đại-tướng không-quân, hải-quân là KHÔN-NGOAN, KHOA-HỌC, v. v. với các quân-sĩ đều hết lòng ghi-sinh-nghinh-địch. Còn nói về khí-cụ thì chúng tôi mới chế-tạo theo kiểu văn-minh cả. Nhưng nhờ sự khám-phá, chúng tôi mới biết rằng vì trong các chủ-tướng vài ông có dính-dấp với Đại-đô-đốc quân địch là ông TỘI-LỖI. Thật nguy-hiểm thay, các bác ấy mãi quốc cầu vinh, nên chúng tôi bị thất-trận luôn.

— Nhưng trong trận cuối-cùng quý-quốc đã nhờ ai hoặc đã dùng chiến-lược khí-giới gì mà thắng được quân địch như thế?

— Ấy là điều tôi không quên trong cả đời sống tôi, và nếu ông quên hỏi tôi, tôi cũng không quên mà cho ông hay cách rõ-ràng để ông công-bố lên mặt báo cho nhiều người được biết, kẻ họ nghe tin vẹt mà sai-lầm chẳng. Số là sau khi thất-lợi nhiều trận như thế, tình-hình quân-bị chúng tôi quẫn-bách lắm, nhất là sau trận Thống-chế BẢN-NGÃ và HAM-MUỐN tự-phụ ra chỉ-huy cả các quân-đội đã đem lại cho chúng tôi một cơn thất-trận rất lớn, rất nhục-nhã với quân địch. Lòng dân

lúc bấy giờ tan-chảy, ai nấy tuyệt-vọng và kêu-khóc.

May thay! Lúc bấy giờ chúng tôi nhớ lại lời hứa của Vua nước THIÊN-THƯỢNG trong tờ hòa-ước, bèn cầu-xin binh cứu-viện. Lập-tức Vua nước THIÊN-THƯỢNG ban cho một đạo binh quyền-phép, có cả Nguyên-soái JÊSUS văn-võ toàn-tài, mưu cao, trí dũng, binh-thor chiến-lược thông-thạo. Vua nước THIÊN-THƯỢNG ban cho vô-số lương-thực là THÁNH-KINH và đủ cả các khí-giới tối-lân, như gươm THÁNH-LINH, mào-trụ CỨU-CHUỘC, thuẫn ĐỨC-TIN, giày-dép TIN-LÀNH, áo giáp CÔNG-BÌNH, dây nịt LẼ-THẬT. Đạo binh chúng tôi được cải-cách, trở nên hùng-cường, mạnh-dạn vì lột-bỏ mọi khí-giới cũ rích, tước-bỏ các chủ tướng phản-quốc. Trong trận cuối-cùng quân địch đã đem toàn-lực đánh úp chúng tôi, hãm-áp chúng tôi vào trận-địa nguy-hiểm bội phần hơn các trận trước, mà chúng tôi được bình-an. Có khi quân chúng tôi phải đánh giáp lá-cà, huyết-chiến cùng quân địch, nhưng được toàn tánh-mạng, chẳng hao-hót, chẳng núng thế. Quân địch lại dùng diệu-kế để vây-hãm chúng tôi vào vòng HOÀNG-LIM, vòng MỸ-NỮ, vòng PHÚ-QUÍ, vòng THỎA-THÍCH, vòng MÊ-HỒN, nhưng nhờ tướng đạo binh nước THIÊN-THƯỢNG chỉ-dẫn chúng tôi được thoát vây và thắng trận vẻ-vang.

— Vậy, đối với cơn thắng trận này, ngài có ý-kiến gì hay phát-triển cho thế-giới không?

— Chẳng có ý-kiến gì hay cả, nhưng có lời khuyên rằng Thế-giới nên kết-ước cùng Vua nước THIÊN-THƯỢNG và nên cầu-xin cho được Đại-tướng JÊSUS làm Nguyên-soái đạo binh mình trong năm mới này thì mới thắng được Đại-đế SA-TAN, là kẻ thù đáng sợ và đang chực khai-chiến cùng mọi đế-quốc LINH-HỒN vậy.

Đến đây viên phát ngôn nhìn vào đồng-hồ mình, tôi biết ý, liền cáo-từ lui ra.—*Phạm-xuân-Tin, Ban-mê-thuật.*

NGHĨ LÚC TÂN-XUÂN

THÌ-GIỜ đi mau quá!... Ta không khỏi suy-nghĩ vắn-vơ như thế, nhứt là vào lúc đầu năm. Lạ thật! Con trẻ muốn mau lớn, nên cho thì-giờ là dài đằng-dằng; còn người già-cả muốn thì-giờ dừng cánh, nhưng lại thấy nó mỗi năm mỗi bay mau-chóng. Người ta quen thấy thì-giờ thấm-thoắt như thoi đưa, đến nỗi không còn nhớ đó sanh ra khôn-ngoa.



Tôi tưởng hiện nay tin-dồ không cần chúc gì cho người đời. Thế-giới cứ đi, buồn-thảm và ngã lòng: Các guồng máy chánh-trị đã hư-hỏng; các đạo luật xã-hội không có hiệu-lực. Luân-lý suy-đồi, cả đến ở những nước có quyền độc-tài cầm-giữ phong-tục, và những dân-tộc xưa kia tự-hào là có đạo-lý thuần-túy. Các phái đạo yếu-mòn, chia-rẽ, không tôn-kính Đức Chúa Trời, mơ-tưởng một quyền Kinh-Thánh theo ý riêng mình.

Dẫu đây, đó có một vài tia sáng, nhưng thanh-niên vẫn ở trong bóng tối của sự do-dự và hờ-hững. Họ coi thường những giá-trị chơn-chánh của đạo Đấng Christ. Chiến-tranh nổ bùng, trời Âu, Á đen ngòm những mây hoạn-nạn.

Làm gì đây?

Người thì đề-xương liên-hiệp các phái thượng-lưu, kẻ thì quyết-định cải-cách các chánh-phủ, nhưng nào có ăn-thua gì. Đời cai-trị của quỷ Sa-tan vững-vàng đến nỗi tin-dồ chỉ còn biết cầu-nguyện. Phải sốt-sắng cầu-nguyện. Phải nhớ rằng hiện nay ta chỉ đáng kể sự hầu việc Đấng Christ là có giá-trị cứu-vớt một số người khỏi vực sâu hư-hoại.



Về phần chúng ta, là môn-dồ Đấng Christ, thì phải chúc nhau những gì? Thật thế, phải chúc cho đời trị-vì của Đức Chúa Jêsus thay các quyền-lực

đương làm tan-tác năm châu; cho Vua của các linh-hồn lập lại ngôi Ngai, ngôi mà những kẻ dối-trá đã cướp mất; cho Đấng Christ lập nền hòa-bình độc-nhứt và vĩnh-viễn trên thế-gian này, —chỉ một mình Ngai làm được phép lạ ấy. Cầu-nguyện như vậy, chúng ta sẽ hoàn-toàn hiệp ý với Đấng Christ, vì Ngai có dạy chúng ta cầu-nguyện rằng: «Nước Cha được đến!»

Nhưng thời-kỳ hoạn-nạn này cũng thúc-giục chúng ta hành-động cho mau đến lúc hưng-dông rực-rỡ kia. Người đời cảm thấy mình bị thua. Đương khi chờ lúc thế-gian bị Đấng Toàn-năng lên án, chúng ta, là môn-dồ Đấng Christ, hãy lên án thế-gian bởi cư-xử khác hẳn với thế-gian, không dự đến những công-việc quỷ-quyết, và không chịu hưởng những quyền-lợi giả-dối của thế-gian đem cho mình. Đây tôi chẳng nói gì lạ cả, tôi chỉ dựa vào lời Cứu-Chúa phán rằng: «Họ không thuộc về thế-gian» (Giăng 17: 16).

Hội-Thánh theo thế-gian sẽ bị đoán-xét chung với thế-gian. Tin-dồ ham-mê thế-gian sẽ bị đoán-xét chung với thế-gian bội-đạo. Ta không thể hầu việc Đức Chúa Trời và Ma-môn, Đức Chúa Trời và tiền-bạc, Đức Chúa Trời và xác-thịt. Hãy lựa-chọn!

Tôi xin chúc anh em chọn đều tốt-lành và không hề đổi ý. Chỉ có ơn cứu-rỗi trong Đức Chúa Jêsus. Chúng ta biết rằng Ngai đương dự-bị một kỷ-nguyên mới, đương lo làm trọn những lời hứa lạ-lùng cho mỗi một anh em Ngai.

Nguyện năm mới này, chúng ta sẽ thức canh, cầu-nguyện, mạnh-bạo làm theo ý-chỉ Đức Chúa Cha, chuộc lại thì-giờ bởi luôn luôn làm chứng rõ-ràng về Chúa, lo việc trên trời, chứa của báu ở đó, nhìn-xem Đức Chúa Jêsus, là cội-rễ của đức-tin ta, là Chủ của linh-hồn ta. — *André Jalaguier.*

TIỂU-SỬ CHI-HỘI ĐA-LÁT

MỤC-SƯ PHAN-ĐÌNH-LIỆU

THÀNH Đa-lát, tục-danh là Đồng-nai-thượng, ở về miền cao-nguyên phía tây-nam Trung-kỳ, cao hơn đất liền 1.500 thước tây. Núi cao sương phủ, khí-hậu lạnh cả năm, mưa đọng hồ sâu, bùn-lầy đi lút cẳng. Bốn mươi năm về trước người ta đi băng trong rừng thông cổ rậm, thỉnh-thoảng một ngày hay là hai ngày đường thì thấy rải-rác một chòm nhà Mọi ở theo triền núi, làm ruộng-rẫy và chăn súc-vật để sanh-nhai.

Gần đây nhờ ơn nhà-nước chăm khai-hóa man-dân, cho phép các phú-hào được mở-mang vườn-ruộng, những khách-thương lên xuống đôi hàng lấy gạo, lường cân sáo đấu, quên câu: «Dân giai ngô bào.» Người bồn-xử giết trâu cúng giàn, uống rượu đánh chiêng, mê-tín đa-thần chủ-nghĩa. Các nhà thừa-lương hững hờ, ngoài tửu, sắc, tài, khí, nào có nghĩ chi đến địa-ngục, Thiên-đường. Những dân di-cư, ngoài sĩ, nông, công, thương, nào có biết chi kim-sanh lai-thế. Thương-hại bấy, tội người đầy-dẫy, ai tỉnh giấc hồn mê? Hạnh-phước thay, lòng Chúa đoái thương, ban cho ơn cứu-rỗi!

Tháng sáu năm 1929, Chúa sai tôi-tớ trung-tin của Ngài, là ông bà Mục-sư H. A. Jackson, đem linh-lương mà chẩn-cấp cho người đói-khát thiêng-liêng ở nơi rừng xanh núi đỏ. Đối với người An-nam, ông trở nên người An-nam, đối với người thượng-du, ông trở nên người thượng-du. Liên lúc đó Chúa đã kêu-gọi một số người mỗi tuần nhóm lại cầu-nguyện trong nhà của ông mướn.

Tháng bảy năm 1929-1930, Chúa kêu-gọi ông Lê-văn-Quế đến mướn nhà ở gần chợ. Ông đã hết lòng vì Chúa, trèo non lội suối rao-giảng đạo Tin-Lành. Dầu thời-kỳ phôi-thai có sự ngăn-trở bề ngoài, song nhờ lời cầu-nguyện của các thánh-đồ mà đạo Chúa vẫn đứng vững.

Năm 1930-1931, ban Trị-sự cử ông bà

Trần-vô-Tư đến thế-vị hành-chức một năm. Năm 1932-1934, ông Nguyễn-văn-Tầm được Đức Thánh-Linh thúc-giục, đi giảng rộng ra các làng Lâm-tuyền, Càng-rang, Hòa-Thạnh, Đại-ninh, Phú-hội, v. v. Lúc này Chúa kêu-gọi một số đông người về với Chúa, và Ngài đẩy lên ông chấp-sự Đinh-văn-Hai tuổi ngoài 60, dâng mình làm chứng về Chúa một cách nhiệt-thành, cổ-động anh em tin-đồ mua đất tạo nhà, bắt đầu tự-trị tự-lập một cách đơn-giản. Cảm-tạ ơn Chúa vô-cùng!

Ông Jackson về nghỉ bên Mỹ và ông

Nguyễn-văn-Tầm sung chức giáo-sư trường thượng-du, thì ông Trịnh-an-Mẹo đến hành chức-vụ từ 1934 đến 1935. Rủi gặp Hội-Thánh bị lúc thử-thách, nhiều tin-đồ sa-ngã, đời thiêng-liêng yếu-đuối. Đức Chúa Jê-sus biết tình-cảnh thiếu-thốn của Hội-Thánh, nên Ngài đưa ông bà Stebbins đến thăm-viếng mỗi tin-đồ, hiệp chung cầu-nguyện tại nhà mỗi anh em. Chúa đã dùng ông bà mà dắt-dẫn nhiều con chiên lầm đường lạc lối trở về chuồng Chúa.

Từ 1935 đến 1938, tôi, Phan-đình-Liệu, được Chúa gọi về hầu việc Ngài ở đây, may vừa gặp ông Stebbins dạy sách Sứ-đồ, nhóm đặc-biệt 15 đêm cầu-nguyện. Thật quả có năng-lực Đức Thánh-Linh bồi-bổ, đời thiêng-liêng tin-đồ được tươi-tỉnh và có nhiều người ngoại ăn-năn tội, tin theo Chúa nữa.

Kế tiếp ông bà Jackson ở nước Mỹ vừa qua, nhờ Chúa giục lòng, hiệp với chúng tôi truyền-rao khắp cả tỉnh Đồng-nai-thượng. Bởi thế, chưa đầy bốn năm nay mà Chúa đã mở thêm bốn Hội nhánh, là Djiring, Cầu-đất, Trạm-hành và Dran.

Hiện giờ đã có hai vị Truyền-đạo mới lãnh trách-nhiệm ở hướng nam và hướng đông-bắc. Còn về phần tôi thì đương hiệp cùng các ban chứng-đạo chi-hội Đa-lát mà truyền ơn Chúa ở Phú-hội, Trại-giải, Phi-nôm, Cội-gia và La-ba.



MỤC-SƯ PHAN-ĐÌNH-LIỆU



(KHOA-HỌC HIỆP VỚI CÔNG-CUỘC SÁNG-TẠO NHƯ KINH-THÁNH CHÉP)

CHƯƠNG THỨ SÁU

Ngày thứ tư — Phần III

CÁC HÀNH-TINH

(Tiếp theo)

SUY-GẤM

“**A** I đã tạo những vật này? Ấy là Đấng khiến các cơ-binh ra theo số nó, và đặt tên hết thủy; chẳng một vật nào thiếu, vì sức mạnh Ngài lớn lắm, và quyền-năng Ngài rất cao» (Ê-sai 40 : 26). Chúng ta đã xem-xét vị-trí, hấp-lực, cách vận-hành và các đặc-sắc của mặt trời, mặt trăng và từng hành-tinh một. Hết thấy các vì ấy hiệp thành một *hệ-thống cân-đối*. Đây ta thấy không phải là công-hiệu rời-rạc và lộn-xộn do tình-cờ, nhưng chính là sự hòa-hiệp rất đều và rất đúng của số-mục (*nombres*), trọng-lượng (*poids*) và độ-lượng (*mesures*). Sự hòa-hiệp ấy là bằng-cớ mạnh nhứt tỏ ra cả hệ-thống là công-việc của một Đấng Toàn-năng, Toàn-tri.

(1) Mặt trời là trung-tâm của hệ-thống, —trung-tâm của vận-hành, của ánh sáng và sức nóng cho tất cả hành-tinh, vệ-tinh thuộc trong hệ-thống ấy. Hết thấy xoay-vần chung-quanh mặt trời, bị kéo bởi cùng một năng-lực, bị cai-trị bởi cùng một công-lệ. Các sự đều-đặn về năng-lực, quỹ-đạo, vận-hành, thời-hạn, vị-trí và tốc-độ đó tức là một bằng-cớ rõ-ràng, mạnh-mẽ chứng rằng căn-nguyên của thái-dương hệ-thống chẳng phải là sự tình-cờ vô-tri, nhưng chính là Đức Chúa Trời có tài toan-tính lạ-lùng.

(2) Trong phương-thức chiếu sáng hệ-thống hành-tinh, chúng ta thấy có mưu-định và sự lựa-chọn. Chẳng phải do tình-cờ, nhưng chính là bởi một trí-khôn biết mưu-toan mà ngọn đèn mặt trời đã được sáng-tạo, thắp lên và đặt vào trung-tâm vũ-trụ để bày-tỏ các vẻ mỹ-quan và kỳ-quan của vũ-trụ, truyền sức nóng và sự sống cho mỗi phần của vũ-trụ.

(3) Ta thấy sự mưu-toan, sự khôn-ngoa

nhất mực, sự phòng xa trong việc sắp-đặt quỹ-đạo cho các hành-tinh xoay-vần theo. Hết thấy quỹ-đạo của hành-tinh đều hơi có hình thuẫn (bầu dục) và hơi nghiêng. Nếu các hành-tinh do tình-cờ mà vận-hành, thì phải đoán-định rằng có đủ thứ quỹ-đạo: nào tròn, nào bầu dục, nào rộng hơn và hẹp hơn, đến gần nhau, đi qua nhau, luôn luôn đụng vào nhau và gây nên sự hủy-phá tan-tành. Trái lại, chúng ta thấy các hành-tinh vận-hành trong các quỹ-đạo giúp cho tất cả hành-tinh được ích-lợi hơn hết. Chắc là phải có một Đấng Tạo-Hóa khôn-ngoa vô-cùng đã phòng-bị mọi sự chu-đáo như thế.

(4) Mưu-định khôn-ngoa và nhơn-từ đã được tỏ ra trong sự vận-hành của các hành-tinh chung-quanh trục riêng. Hết thấy hành-tinh xoay-vần chung-quanh trục hơi nghiêng trên hoàng-đạo, sanh ra thời-tiết đổi-thay và ngày đêm kế-tiếp. Hiện-trạng đó tỏ rõ trí mưu-toan của Nhà Kiến-trúc Thiên-thượng.

(5) Tốc-độ của mỗi một hành-tinh trên quỹ-đạo của nó tỏ cho ta thấy một mưu-định rõ-rệt hơn hết. Để giữ đúng quỹ-đạo chắc-chắn và rập-ràng hiện có, mỗi một hành-tinh phải chịu một động-lực vừa đúng làm cho nó xoay-vần theo mực và theo hướng hiện có. Chỉ có Đấng Toàn-tri và Toàn-năng mới làm được như thế.

(6) Đây ta nhờ gì mà thấy thật có mưu-định, tài tiên-kiến và sự tính đúng, rõ như cách giải một bài toán kỷ-hà-học? Nhờ sự sắp-đặt cho toàn-thể thái-dương hệ-thống được nâng-dỡ và giữ vện. Có ba sự sắp-đặt như thế: Hết thấy hành-tinh xoay-vần theo chung một hướng;

quĩ-đạo hơi có hình bầu dục; các quĩ-đạo ấy hơi nghiêng vào nhau. Chỉ một hành-tinh hơi lằm-lộn một chút, cũng đủ hủy-phá tan-tành cả thái-dương hệ-thống. Chúng ta phải cung-kính nghiêng mình thờ-lạy nhà Kiến-trúc toàn-tri đã tạo nên các tầng trời.

(7) Chẳng ai có thể ngờ rằng hệ-thống hành-tinh không phải là công-tác của một Đấng khôn-ngoa, quyền-phép vô-cùng. Cũng rõ-ràng và chắc-chắn như thế, Đấng Tạo-Hóa ấy hiện còn cai-trị các hành-tinh, sắp-đặt và dắt-dẫn mỗi bước vận-hành. Chúng ta nhiều lần dùng chữ «cơ-giới» để chỉ về hành-tinh hệ-thống, nhưng thật là khác hẳn với các thứ cơ-giới mà chúng ta đã biết. Đây ta thấy rất nhiều vì tinh-tú luôn luôn xoay-vần vùn-vụt trong khoảng-không chẳng có đường-lối nào cả, mà cũng chẳng có động-lực hoặc năng-lực hữu-hình nào để phát-sanh và đưa-dẫn sự xoay-vần ấy. Thật là một bộ máy xứng-đáng với tài-năng của Nhà Kiến-trúc Thiên-thượng.

Theo như người ta thường xem-xét và giải-thích, thì những sự vận-hành ấy là do các công-lệ trong cõi thiên-nhiên,—công-lệ vận-hành và hấp-lực. Lắm kẻ tưởng rằng không cần một quyền-lực hoặc một động-lực nào. Họ tưởng rằng Đức Chúa Trời bởi ý-chỉ của Ngài đã làm cho cả vũ-trụ thực-hữu, rồi để mặc vũ-trụ cho các công-lệ kia cai-trị. Nhưng công-lệ chẳng phải là một động-lực hoặc một năng-lực có hiệu-nghiệm; nó chỉ là một luật-lệnh chỉ-

định một cách hành-vi hoặc hành-động. Như vậy, quyền-lực làm cho luật-lệnh thành sự thực phải hiện-diện trong mọi lúc và khắp mọi nơi mà luật-lệnh có hiệu-nghiệm. Đó là sự nhận-xét thật đúng về công-lệ thiên-nhiên và quyền-phép Đức Chúa Trời; đó cũng là sự nhận-xét của các nhà bác-học đã kê-cứu công-cuộc sáng-tạo rất kỹ-lưỡng.

Như vậy, nhờ quyền-phép trực-tiếp của Đức Chúa Trời Chí-cai mà hành-tinh hệ-thống được dựng nên lúc ban đầu, được gìn-giữ trải qua các thời-đại và được vận-hành luôn luôn. Thấy cảnh-tượng do quyền-phép và khôn-ngoa của Ngài, chúng ta bèn học-tập một bài TIN-CÂY. Phải bình-tĩnh tin-cây Đức Chúa Trời, là Cha chúng ta. Ngài há chẳng phán-hứa rằng Hội-Thánh được vô-sự và Tin-Lành được tràn rộng cho tới khi cả thế-giới hiệp làm một nước của Con Ngài? Chắc sẽ có như vậy.

Hỡi con-cái Đức Chúa Trời, chớ sợ. Đấng đã diu-dắt mỗi hành-tinh một cách yên-ổn trong khoảng-không chẳng có đường-lối nào, chắc sẽ chỉ-vạch cho anh em con đường khôn-ngoa và bình-yên hơn hết để trải qua đời này. Đức Chúa Trời, là Cha chúng ta, đã làm thắng-bằng hàng trăm hành-tinh kia trải qua mọi thời-đại để sanh ra trật-tự và bình-yên, ắt cũng theo lời phán-hứa mà khiến «mọi sự hiệp lại làm ích cho kẻ yêu-mến Ngài» (Rô 8: 28).—*Bà C. soạn.*

NĂM MƯƠI TRIỆU BẠC MỘT NHÀ-THỜ

NĂM 1892, ông *Henry Potter*, Giám-mục Hội Tin-Lành, bắt đầu thu-góp tiền-bạc để xây-cất một nhà-thờ rộng chừng 12.700 thước vuông tại góc đường *Amsterdam* và phố 112, thuộc *Nữu-ước*. Báo *Newsweek* nói rằng bốn người kể chức ông cứ theo số tiền quyền được mà lần lần xây-cất nhà-thờ ấy đặt tên là «*St. John the Divine.*» Bây giờ đã làm xong hai phần ba, và đã chi-phí hết 17 triệu đồng Mỹ-kim (chừng 50 triệu bạc Đông-dương).

Chỗ ban hát đứng và tòa giảng thì theo kiểu La-mã, nhưng kiểu ấy đã bị loại-bỏ từ 30 năm nay. Bây giờ Giám-

mục *William T. Manning* đứng quyền một triệu đồng Mỹ-kim, là «bằng-cớ hiển-nhiên chúng ta tin-cây Đức Chúa Trời,» để thay-đổi chỗ ban hát đứng và tòa giảng cho hiệp với kiểu Trung-cổ, là kiểu của mọi phần khác trong nhà-thờ. Ông muốn cho nhà-thờ hoàn-thành trước cuộc đấu-xảo quốc-tế năm 1939, là «một trong những nhà-thờ lớn nhứt thế-giới, do mọi dân-tộc và mọi nhánh đạo Tin-Lành giúp sức để xây-cất xong.»

Năm mươi triệu bạc để xây-cất một nhà-thờ thật là một số tiền rất lớn! Nhưng giá ấy chẳng thấm vào đâu với

(Coi tiếp trang 63)



HAI CHA CON VỚI MỘT CON LỪA

HAI cha con đi dọc theo con đường nhà-quê, bên cạnh có một con lừa. Mới đi một quãng thì gặp một bác nhà-quê. Bác cười rồi nói rằng:

—Chà chà! Sao không để con trai ông cỡi con lừa?

—Ồ, tôi chưa nghĩ tới chỗ đó.

Nói xong, ông bồng con lên ngồi trên lưng lừa. Họ cứ đi về phía thành-phố, lại gặp một người khác. Hắn kêu rằng:

—Quân ngay xương! Đưa trẻ cỡi lừa, để ông già đi bộ sao? Mầy xuống ngay đi, cho cha mầy cỡi.

—Ồ, tôi chưa nghĩ tới chỗ đó.

Nói xong, con nhảy xuống đất, đỡ cha lên ngồi trên lưng lừa. Đi một đôi khá xa, họ gặp một mục bán cá xách cái rổ; mục kêu rằng:

—Ông đáng hồ-thẹn vì để con đi bộ dưới trời nắng-nôi như thế.

—Ồ, tôi chưa nghĩ tới chỗ đó.

Nói xong, ông cho con lên cùng ngồi với mình. Khi tới thành-phố, có mấy

người nhìn chăm họ mà kêu rằng:

—Hai cha con đáng phải khiêng con lừa kia, chớ lại bắt nó chở mình như vậy sao?

—Ồ, chúng tôi chưa nghĩ tới chỗ đó.

Nói xong, hai cha con nhảy ngay xuống đất. Họ vật ngửa con lừa, bốn cẳng giơ lên trời. Người cha đốn lấy một cây sào dài, trói bốn cẳng con lừa vào đó. Rồi hai cha con gánh con lừa đi. Không quen bị gánh như thế, con lừa dẫy-dụa đến nỗi gãy một chơn. Đi qua cái cầu, con lừa quay-cuồng, ngã lặn xuống sông, chìm chết.

Ấy đấy, vì muốn làm đẹp lòng mọi người mình gặp mà hai cha con chẳng làm đẹp lòng một ai, hoặc chính mình, hoặc con lừa đáng thương kia.

Các bạn xem chuyện này, chắc phải chê-cười hai cha con kia là đại-dột quá. Chúng ta đi đường của Chúa, phải vâng theo tiếng Ngài và Lời Ngài thôi, chớ theo ý người hoặc ý mình mà phải thất-bại đau-đớn.

VÀI PHÚT GIẢI-TRÍ

ĐỐ AI BIẾT?

GIẢI-ĐÁP KỲ TRƯỚC

179.—Ê-sai 7: 20. 180.—Rô-bô-am (II Sử 11: 21). 181.—Thi 109: 5. 182.—Ê-xơ-tê (Ê-xơ-tê 2: 7). 183.—Mực lường chừng 240 lít (II Sử 2: 10). 184.—Sa-mu-ên (I Sa 28: 14). 185.—Đề đóng tàu đi Ta-rê-si (II Sử 20: 36). 186.—II Sử 15: 16. 187.—Cửa Gióp (Gióp 42: 14). 188.—Chót núi Cạt-mên (A-mốt 1: 2).

Đáp trúng.—10 câu: Cậu Hỷ, Hà-nội; cậu Luông, Nước-hai; ông Khuê, Phan-thiết; cậu Thiện, Sài-gòn. 9 câu: Cậu Đành, Đa-lát; cô Hoa, Cần-thơ. 8 câu:

Ông Lực, Sài-gòn. 2 câu: Bà Phải, Bình-đại.

Các bạn đáp trúng 10 câu đều được thưởng, chớ kỳ này không rút thăm.

Kỳ trước.—Bà Phòng, Sài-gòn, 4 câu; bà Cương, cô Mười, Vĩnh-long, 6 câu; ông Nhung, Đa-lát, 8 câu.

CÂU ĐỐ KỲ NÀY

189.—Sau khi chôn tại Gia-be, hài-cốt của Sau-lơ và Giô-na-than được ai dời, và dời về đâu?

190.—Sách nào chép: «...Hoàng-hậu bị bóc-lột và bị bắt đi; các nàng hầu-hạ người đi theo, rên-siếc như bò-câu, và đấm ngực mình?» — *Nguyễn-châu-An*.

191.—Ai khuyên đừng phá công-việc Đức Chúa Trời, vì làm vậy là liều mình đánh giặc cùng Ngài?

192.—Chỗ nào trong năm sách của Môi-se chép về sự không làm xong lời hứa cùng Chúa là tội?—*Mme Bùi-trí-Hiền.*

193.—Xin chỉ giùm câu này: «Tôi có làm chi cho người, mà người đã đánh tôi ba lần?»—*Mlle Nguyễn-thị-Vê, Cao-lãnh.*

194.—Tội của ai đã «chép bằng bút sắt, bằng dùi kim-cương?»

195.—«Vì chúng nó đã gieo gió và sẽ gặt bão lốc.» Sách nào chép?—*Phong-Vân.*

196.—Chỗ nào chép Đức Chúa Trời tháo bánh xe của quân thù dân Y-sơ-ra-ên?—*Thuận-Thiên, Tam-kỳ.*

197.—Từ Ấn-độ đến Ê-thi-ô-bi có bao nhiêu tỉnh? Sách nào chép?

198.—Con trai của Cạt-mi là ai?—*Nguyễn-bình-Trị, Cao-lãnh.*

TÌM NGHĨA VĂN THƠ

GIẢI-ĐÁP KỲ TRƯỚC

Vua Đa-vít (I Sa 16: 10-13).

Sách Sáng-thế Ký.

Các bạn đáp trúng.—Cậu Hỷ, Hà-nội; cậu Luông, Nước-hai; ông Khuê, Phan-thiết; ông Giảng, Hà-nội; cậu Thiện, Sài-gòn; ông Tỉnh, Sóc-sải; ông Lực, Sài-gòn.

Bảy bạn đáp trúng kỳ này đều được bà Homer-Dixon tặng phần thưởng.

Kỳ trước.—Bà Phòng, Sài-gòn; Cô Mười, Vĩnh-long.

THƠ ĐỒ KỲ NÀY

Ô hô! Thương ôi! Hỡi anh ơi!

Vì đâu anh sớm phải đoạn đời?

Thương anh, tôi khóc, tôi còn khóc,

Khóc đến bao giờ lệ thôi rơi.

Than ôi! Thương ôi! Hỡi anh ơi!

Xác anh tôi đem để mộ tôi.

Khóc anh, chôn anh, tôi muốn chết,

Muốn chết, tôi, anh ở một nơi...

Người này là ai và khóc ai trong Kinh-Thánh?



Kìa người kỳ-quái lạ-lùng,
Đầu người đội mào, ở cùng với vua,
Mình người toi-tả, bơ-phờ,
Ra vào máng cỏ, nằm bò với chiên.

Chon người thế-lực oai-quyền,
Làm nhà lãnh-tụ đi trên đường trường.

Đố các bạn người này là ai?—*Trần-văn-Cân, Hà-nội.*

Ô CHỮ

GIẢI-ĐÁP KỲ TRƯỚC

X	A	C	H	A	R	I		N
A		A		M	A	A	C	A
C	A	N	A		M		A	T
H		A		E		M	I	H
A	M		E	N	C	A	N	A
R	A	M		C		T		N
I	A		M	A	T	H	I	A
	C	A	I	N		I		E
N	A	T	H	A	N	A	E	N

Các bạn đáp trúng.—Cô Điền, Cần-thơ; cậu Luông, Nước-hai; ông Khuê, Phan-thiết; ông Lực, Sài-gòn.

BẢNG ĐỒ KỲ NÀY

1	2	3						7
2								6
3				5		4		
					10			
		5						
			10				9	8
		4				11		
	6				9			
7					8			

1. Thành của vua Nê-bu-cát-nết-sa.
2. Em của Ca-in.
3. Thành ông Gia-cốp lập bàn-thờ Đức Chúa Trời.
4. Một chi-phái Y-sơ-ra-ên.
5. Một tên sách trong Kinh-Thánh.
6. Một tên sách trong Kinh-Thánh.
7. Vườn xưa ông bà thủy-tổ ở.
8. Con trai của Tha-rê.
9. Thân-phụ của Gia-cốp.
10. Thân-phụ của Giô-suê.
11. Tên một vua của xứ Giu-đa.—*Tạ-xuân-Vân, Mộ-đức.*

CUNG-HẠ TÂN-XUÂN

MỤC-SƯ LÊ-ĐÌNH-TUỔI, HỘI-TRƯỞNG TỔNG-LIÊN-HỘI

BA trăm sáu mươi lăm ngày là mấy lát! Hết xuân năm ngoái, lại đến Tết năm nay. Nhờ ơn Thánh-Chúa, xin chúc mừng các quý-hữu nam, nữ trong giao-ước mới khắp ba kỳ, được khương-cường, thanh-vượng cả xác lẫn hồn, và hằng ngày dự phần nơi bàn tiệc thiên-thượng, nếm mùi hạnh-phước với các mỹ-vị trong cõi trời xuân thánh-khiết, vô-biên (Thi 23: 5, 6; Nhã 5: 1).

«Vì mùa đông đã qua, mưa đã dứt hết rồi» (Nhã 2: 1). Cái cảnh âm-u, gió heo, mưa bắc, cây cỏ úa-vàng, bông hoa tàn-tạ, là biểu-hiệu của sự âu-sầu, đau-đớn, lao-khổ, nguy-vong, nay đã biến đi; vì Chúa xuân đã đến, rọi ánh quang-minh, phá màn hắc-ám, đem ta vào cảnh xuân-thiên vui-đẹp tuyệt-trần, thanh-tao vô-hạn. Để làm chi vậy?

Để ta ngắm-xem «bóng hoa nở ra trên đất» (Nhã 2: 12); ấy cõi lòng nhờ ơn tái-tạo bởi Thần-Linh mà được hồi-sanh.

Để ta nghe phường âm-nhạc thiêng-liêng trời khúc thanh-bình rằng: «Mùa hát-xướng đã đến nơi, và tiếng chim cu nghe trong xứ» (Nhã 2: 12). Ấy là tâm-thần chịu Chúa trị-vì: yên sống, an-ninh, vui-mừng ca-tụng ơn lớn-lạ và ân-diễn nhưng-không!

Dường ấy, bước qua năm mới này, mong rằng từ đây ta không còn làm cây vả đứng trong cảnh mùa đông, toi-

bời rụng lá, vô-dụng cho Chúa và người; nhưng là cây xanh-tươi trồng gần mé nước, sanh bông-trái phải thì trong lúc tân-xuân (Thi 1: 3), dâng lên mừng Chúa, để Ngài nếm mùi ngon-ngọt các quả của «lòng yêu-thương, sự vui-mừng, bình-an, nhữn-nhục, nhữn-từ, hiền-lành, trung-tín, mềm-mại,

tiết-độ,» cùng lưu ra mùi thơm của Chúa xuân khắp mọi nơi, như «nho trổ hoa nức mùi hương» (Nhã 2: 13), để danh Ngài được tôn-trọng, cao-quí giữa đồng-bào Nam-Việt.

Thế thì, năm mới, người mới, lòng xuân tươi-mới, cùng nhau ta nâng chén đầy tràn (Thi 23: 5) mà ca-tụng rằng: «Chúc cho Đấng ngồi trên ngôi cùng Chiên Con được ngợi-khen, tôn-quí, vinh-hiến và quyền-phép cho

đến đời đời» (Khải-huyền 5: 13). A-men!

Rồi ta khá lấy cái hôn thánh, là biểu-hiệu tình yêu thiên-thượng, mà chúc mừng và khuyên-nhủ nhau được một ngày một mới, càng ngày càng thêm mới (II Cô 5: 17), để tấn-tới trong ân-diễn sâu-nhiệm, và thông-biết Chúa trọn-lành, cho đến chừng tiếng kèn báo hiệu Tân-Lang với Tân-Phụ hiệp mặt vui-vầy trong tiệc cưới chốn không-trung. Rồi ta sẽ được cái hân-hạnh cùng uống với Chúa chén mới của Ngài cho phỉ lòng trông-đợi. A-lê-lu-gia!



ÔNG LÊ-ĐÌNH-TUỔI VÀ QUÍ-QUYẾN



NƯỚC THIÊN NG = ĐÃ KHÁT =



BẰNG-CÓ MINH-CHỨNG ĐẠO ĐẮNG CHRIST

TIẾN-SĨ *Simpson*, người sáng-lập Mẫu-Hội, thường thuật truyện một ông mục-sư học-vấn uyên-thâm đã giảng luôn mấy bài về «*Bằng-có minh-chứng đạo Đấng Christ.*» Ông chỉ có ý thuyết-phục và dẫn về với Chúa một người thuộc phái hoài-nghi, giàu-có và mạnh thế. Người này sốt-sắng đến nghe giảng và tin theo Chúa thật.

Vài hôm sau, mục-sư đánh bạo hỏi ông xem bài giảng nào đã cảm-động ông sâu-xa đến nỗi ông quyết-định tin Chúa như thế. Ông kia đáp:

— Bài giảng à! Thưa ông mục-sư, tôi quên hết đề-mục các bài giảng của ông. Tôi không thể nói rằng các bài giảng ấy đã có ảnh-hưởng đến tâm-hồn tôi đến nỗi tôi quyết-định tin Chúa. Tôi hối-cải là nhờ lời làm chứng của một bà già người da đen đã đến nghe giảng. Bà trèo mấy nấc lên nhà-thờ, ngồi gần tôi, mặt-mày sáng-sủa như Thiên-đàng, và cứ nói luôn rằng: «Ôi! Chúa Jê-sus yêu-quí của tôi! Ôi! Lạy Chúa Jê-sus yêu-quí của tôi!» Rồi bà quay lại phía tôi mà hỏi rằng: «Ông có yêu-mến Đức Chúa Jê-sus của tôi không?» Thưa ông, đối với tôi, đó mới chính là bằng-có minh-chứng đạo Đấng Christ.

Mặt-mày hớn-hở với tinh-thần phản-chiếu ánh sáng của Thiên-đàng cũng có giá-trị bằng và hơn lý-luận, hùng-biện cùng văn-chương. — *The Alliance Weekly.*

KHÁC Ở CHỖ NÀO?

Hôm ấy là ngày kỷ-niệm đệ-tứ chu-niên của lễ hôn-phối, vợ nói với chồng rằng:

— Suốt bốn năm nay, tôi là một người vợ rất có hạnh-phước; nhưng nếu được một điều nữa như sở-nguyên, thì tôi sẽ là người sung-sướng nhứt đời.

— Này, chồng đáp, mình mong-ước điều chi? Tôi sẽ chiều theo ý mình.

— Tôi chỉ còn mong-ước mình làm môn-đồ của Đấng Christ.

— Mình có phải là môn-đồ của Đấng Christ không? Chồng hỏi.

— Có chứ.

— Ồ, thế mà tôi không biết.

Vợ ngạc-nhiên. Ngừng một chút, chồng hỏi vợ một hồi:

— Mình có chịu-rửa không?

— Không đời nào.

— Tôi cũng vậy. Thế mình có ăn-cắp không?

— Không!

— Tôi cũng không. À, mình có đánh bạc không!

— Không!

— Tôi cũng không. Mình có bao giờ say rượu không?

— Làm sao mình phải hỏi như thế? Tôi không hề say rượu.

— Tôi cũng thế. Nhưng này, khi dự yến-tiệc, thì mình cũng uống một ít rượu chứ.

— Có, phải giữ phép lịch-sự đối với bà chủ tiệc.

— Tôi cũng vậy. Mình có đi xem hát?

— Chắc có.

— Tôi cũng đi. Mình có đánh bài không ăn tiền, phải chăng?

— Tôi có đánh, nhưng cái đó vô-hại.

— Tôi cũng đánh. À, mình cũng khiêu-vũ?

— Có, nhưng khiêu-vũ là một môn mỹ-thuật vô-hại. Tôi thích khiêu-vũ, thích lắm.

(Coi tiếp trang 60)



HOA TƯƠI, HOA TÀN

NGUYỄN-THỊ-XUÂN-HƯƠNG, QUẢNG-NGÃI

ANH nắng chiều đông giải trên đồng lúa xanh um một màu đỏ ròn-rợn... Dưới bóng thông ta nhận thấy hai thiếu-nữ đương ngồi đối mặt, dường như cùng nhau thổ-thẻ những câu chuyện gì... Hai cô ấy chính là Thụy, học-sanh, và Đào, khán-hộ.

— Em Thụy! Vì sao từ ngày Hội-đồng địa-hạt giải-tán đến giờ, em cũng lần theo thời-gian trôi mà xa-cách Chúa đi thế? Tiếng cô Đào hỏi.

Thụy vẫn yên-lặng, cúi mặt.

— Em Thụy! Chị rất buồn khi thấy em vắng mặt ở giảng-đường,... rồi lần lần không còn lai-vãng đến đây nữa. Thế nào? Có việc gì ngăn-trở em trong bước đường theo Chúa không? Em cứ tỏ thật cùng chị đi.

— Chẳng có việc gì cả, chị ạ! Nhưng em còn ham-mến yêu-chuộng những việc ở thế-gian này lắm. Em vẫn còn xuân-xanh, em cần phải nếm-trải cả mùi đời. Nhưng em cũng xin hứa với chị là một ngày kia,... em sẽ cầu-nguyện lại.

Thụy đã quả-quyết thế, nên dầu cô Đào có khuyên-bảo gì cũng chẳng nghe. Nên Đào chỉ thở ra mà mong-chờ cơ-hội khác....



Hôm nay ngày Chúa-nhật, nhưng cô Đào lại phải gác, vì thế nên cô không thể đến Hội-Thánh để thờ-phượng Chúa được. Ngồi trong căn phòng vắng-vẻ, cô lấy thơ thánh ra để hát... Bỗng-nhiên nghe có tiếng gõ cửa phía phòng bên cạnh, cô bèn đặt sách xuống bàn, mở cửa chạy ra...

— Kìa em Thụy! Thế mà chị ngỡ là ai chớ. Chết chưa! Cọ đầu thế nào mà trông gầy và xanh quá đi thế?

— Má em sốt mới bốn năm hôm mà trông đã thế đấy, chị ạ!

— Thôi, em và chị đỡ cụ vào phòng kéo đứng đây thì mệt cụ.

Dứt lời, hai chị em cùng đỡ cụ đem vào phòng đặt trên giường bệnh. Từ đây hôm nào cô Đào cũng ở bên bà cụ để săn-sóc, và an-ủi cô Thụy. Thường ngày sáng nào cô Thụy cũng đi tìm hoa để cắm lọ, vì tính cụ ưa hoa lắm.

Một hôm đã vắng-lẻ xế chiều mà cô khán-hộ lấy làm lạ vì không thấy Thụy đến thăm mẹ cùng thay hoa. Cô còn đương suy-nghĩ thì kìa, Thụy đã bước vào, tay cầm bó hoa, mặt đỏ hồng giấp những mồ-hôi, nét mặt phơn-phớt một vẻ buồn...

— Sao hôm nay em về muộn, mà lại trông không vui thế?

— Chị ơi! Tội-nghiệp cho má em quá, tánh bà rất ưa chơi hoa, như chị đã rõ. Nhưng em đi cả một buổi mai mà chẳng tìm đâu ra đặng một bông hoa tươi, bắt-đắc-dĩ em phải mua mấy cái hoa tàn này, chắc má em không vui lòng đâu. Em chỉ sợ má em trở bệnh thôi, chị ạ!

Nói xong, Thụy đưa cho cô Đào xem mấy cành hoa hồng, hoa cúc tàn-tạ, héo vàng, mà rung rung nước mắt. Đào nhẹ-nhàng đặt tay lên vai Thụy mà nói rằng:

— Chị rất cảm-động vì lòng hiếu-thảo của em. Em nên an lòng đừng khóc nữa, chị có một lọ hoa hương mới

hái trong vườn rất tươi, chị sẽ cho em để em đem vào phòng bà mà thay lọ hoa tàn-héo kia. Nhưng em Thụy! Nào em còn nhớ lời nói của em hôm nọ dưới đời thông không? Nếu em đã quên, thì chị sẽ nhắc lại. Em bảo rằng em sẽ tin Chúa, nhưng không phải bây giờ, bèn là năm, bảy năm nữa, khi em đã nếm-trải mùi trần. Em Thụy ơi! Em không nỡ đem nhành hoa tàn mà dâng cho thân-mẫu em, thì em nỡ nào chờ cho thân em tàn, lòng em héo, em mới dâng mình cho Đức Chúa Trời, là Cha chung của chúng ta ư? Em Thụy! Bây giờ em còn trẻ-trung, thanh-sạch, tươi-tắn như cánh hoa buổi sớm mùa xuân. Nào em Thụy!

Em nên nghe lời chị mà dâng mình cho Chúa ngay đi; kéo e sau này Chúa chẳng chịu tiếp-nhận cánh hoa tàn của em đâu. Em nghĩ sao?

Thụy không còn cầm được giọt lệ. Thụy khóc, cái khóc do lòng biết tội. Thế rồi Thụy quì xuống ăn-năn.

Từ đấy không Chúa-nhứt nào là Thụy không đi nhà giảng. Thụy xưa ham-mến những sự thuộc về xác-thịt bao nhiêu, thì bây giờ lại yêu-chuộng những sự thuộc về cõi thiêng-liêng bấy nhiêu.

Chúa cũng đã chữa bệnh cho má Thụy lành-mạnh, nên Thụy lại càng biết ơn Chúa lắm. Thụy rất vui-mừng sốt-sắng hầu việc Chúa.

NƯỚC THIÊN ĐÃ KHÁT

(Tiếp theo trang 58)

— Tôi cũng thích khiêu-vũ. Này, nếu mình có thể tổ cuộc đời mình và cuộc đời tôi khác nhau thế nào, thì tôi sẽ sẵn lòng làm môn-đồ của Đấng Christ.

Thiếu-phụ nhận thấy ý sâu-sắc của chồng; khi chồng đi có việc ngoài phố về, thì thấy vợ quỳ gối, đầu gục vào tay, khóc thồn-thức. Chồng xin vợ tha lỗi cho mình nếu mình đã làm méch lòng vợ. Vợ đáp:

— Không, chính tôi đáng phải xin lỗi mình. Nhờ Đức Chúa Trời giúp-đỡ, từ nay trở đi mình sẽ có một người vợ khác hẳn.

Mười bốn tháng sau, chồng dự một hội phục-hưng đông-đức và làm chứng rằng:

— Từ bốn tháng nay tôi đã làm môn-đồ của Đấng Christ; cuộc đời đạo-đức, tốt-đẹp, cao-thượng của vợ tôi đã khiến tôi phải đầu-phục Đức Chúa Trời.—*The Missionary Worker*.

CON OI, NHẢY XUỐNG!

BUỔI tối nọ, tôi đang cùng bạn đứng ở cổng vườn nhà bạn, bỗng có hai đứa con trai lại gần. Thấy chúng tới,

người bạn cất tiếng nói với tôi rằng:

— Ông thử coi hai đứa trẻ này khác nhau thế nào.

Bạn bồng một đứa, đặt lên trụ cổng, rồi lui vài bước, khoanh tay lại, bảo nó nhảy. Trong nháy mắt, nó nhảy về phía ông và được ông giơ hai cánh tay đỡ lấy. Đoạn, xây qua đứa thứ hai, bạn thí-nghiệm như vậy. Nhưng lần này khác hẳn. Thằng bé run-rẩy, không chịu cử-động. Bạn giang hai tay, cố thúc-giục nó tin-cậy sức-lực mình, nhưng chẳng chi lay-chuyển được nó. Rút cục bạn tôi phải nhắc nó từ trụ xuống đất và để nó đi.

Tôi hỏi:

— Tại sao hai đứa khác nhau như vậy?

Bạn vừa mỉm cười, vừa đáp:

— Đứa thứ nhất là con tôi, nên biết tôi. Còn đứa thứ hai là con người lạ; trước đây tôi chưa từng gặp nó.

Nếu thật anh em là con-cái của Đức Chúa Trời, có sao chẳng hết lòng tin-cậy Ngài trong giờ nguy-hiểm? Có sao không dám buông-thả mọi sự mà lặn vào cánh tay toàn-năng toàn-ái của Ngài.—*D. L. Moody*.

QUÁN-QUÂN TRUYỀN-ĐẠO**CHARLES H. FINNEY**

(Tiếp theo)

CHỨC-VỤ ĐẦU-TIÊN

TÔI bắt đầu làm việc trong thành *Evan's Mills*, ở đó có hai Hội-Thánh, Hội Liên-hiệp (*Congregationaliste*) không có mục-sư, và Hội *Baptiste* có một ông mục-sư.

Dân thành *Evan's Mills* rất thích nghe tôi giảng. Cử-tọa đông-đúc, họ khoe-khoang những bài giảng của tôi nhiều lắm. Hội Liên-hiệp mong-mỏi được một con phục-hưng và ước-nguyện sẽ được thanh-vượng hơn. Quả thật, mỗi bài giảng làm cho một vài người cảm-biết tội-lỗi mình. Nhưng không phải mọi người đều cảm-biết như thế đâu.

Song tôi chẳng được thỏa lòng gì hết. Vì vậy, sau khi đã giảng hai ba tuần-lễ, và mỗi tuần-lễ giảng mấy buổi tối, tôi nói với các thính-giả nào tôi đến đây để cứu-vớt linh-hồn họ; nào tôi biết rõ rằng họ khoe-khoang các bài giảng của tôi, nhưng tôi đến không phải để làm đẹp lòng họ, nhưng để giúp họ ăn-năn; nào bài giảng của tôi làm cho họ thích hay không cũng không quan-hệ cho tôi bao nhiêu; nào có điều gì ngăn-trở hoặc về phần tôi, hoặc về phần họ; nào họ chăm-chú vào bài giảng của tôi không giúp ích họ gì cả; nào tôi không thể cứ phí thì-giờ ở bên cạnh họ, nếu họ chưa tiếp-nhận Tin-Lành của Đức Chúa Trời.

LÀM THEO SỰ LỰA-CHỌN

Trung-dẫn lời của đầy-tớ Áp-ra-ham, tôi nói cùng họ rằng: «Bây giờ, nếu các ông muốn lấy lòng tử-tế và trung-tín đối cùng chủ tôi, xin hãy tỏ đều đó cho; dầu không, xin cũng nói cho biết, hầu cho tôi sẽ xây về bên hữu hay là bên tả» (Sáng 24: 49). Tôi tìm mọi cách diễn-giải cho họ câu luận ấy, khuyên-lơn và nài-ép họ nói cho tôi biết họ chọn bề nào.

Tôi nói với họ rằng:

— «Nếu anh em không có ý-định trở nên tín-đồ, nếu anh em không muốn linh-nguyện hầu việc Đức Chúa *Jésus-Christ*, thì tôi cũng

cần biết, hầu cho khỏi mất thì-giờ ở giữa anh em. Anh em nên quyết-định đi.»

Sau khi giải-luận rõ-ràng, tôi thấy họ hiểu hết và rất lấy làm sửng-sò về cách tôi giải-luận. Tôi nói với họ rằng:

— Bây giờ tôi phải biết tình thế nào. Ai muốn phục-hòa với Đức Chúa Trời thì đứng dậy. Trái lại, ai thật không muốn trở nên tín-đồ, xin cứ ngồi.

Tôi nhắc lại lời mời cho mọi người hiểu rõ-ràng. Nhưng họ nhìn nhau và nhìn tôi, mọi người cứ ngồi và chẳng nói nửa lời, tôi đã biết trước như thế.

Tôi đưa mắt nhìn cử-tọa một lúc, rồi lại nói thêm:

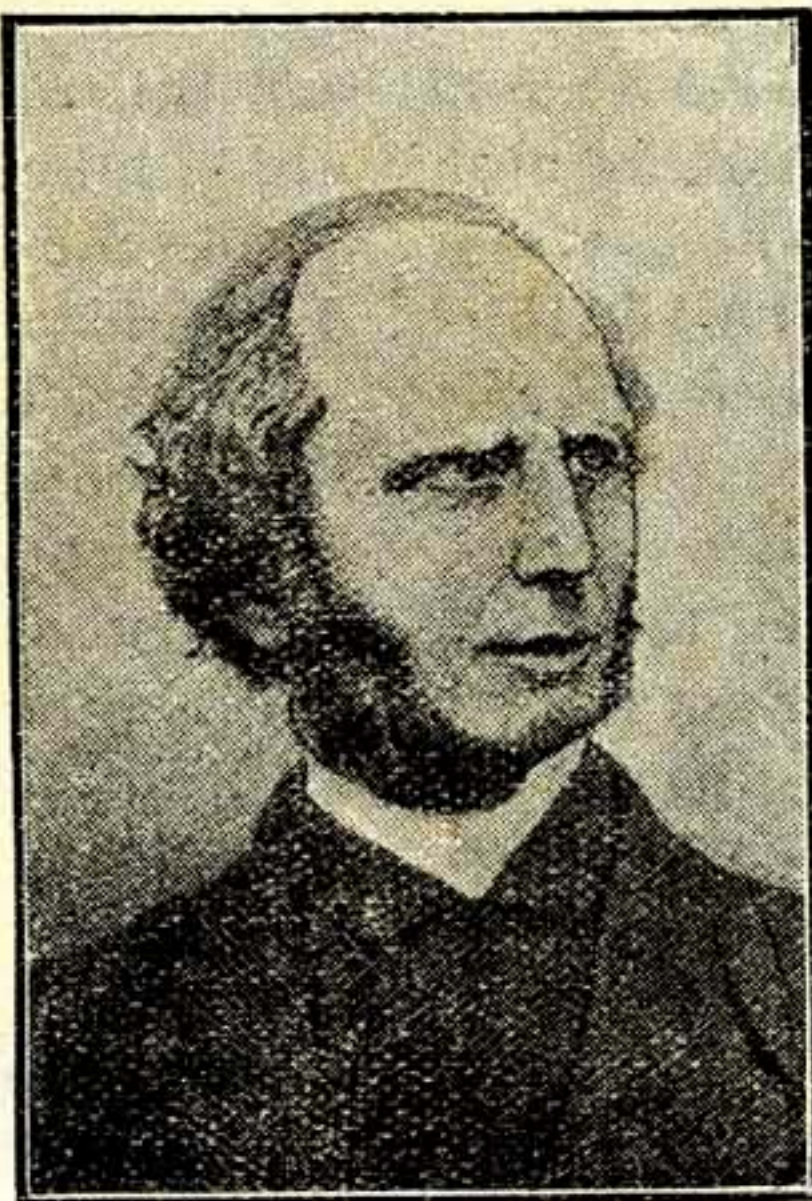
— Vậy, anh em quyết-định hẳn rồi. Anh em đã loại-bỏ Đức Chúa *Jésus-Christ*. Anh em làm chứng cho nhau về điều ấy, và Đức Chúa Trời làm chứng cho anh em về điều ấy nữa. Anh em càng sống bao lâu, anh em có thể nhớ rằng mình đã công-nhiên tuyên-bố nghịch cùng Đấng Cứu-thế *JÉSUS-CHRIST*. Anh em đã nói rằng: Chúng tôi không muốn Người này cai-trị chúng tôi.

Khi tôi nói mấy lời ấy, thì họ dường như nổi cơn thanh-nộ. Họ đứng dậy và xông ra cửa. Bởi vậy, tôi không nói nữa. Họ trở lại xem tôi yên-lặng vì có gì. Tôi bảo họ rằng:

— «Tôi lấy làm buồn vì có anh em. Nếu Chúa muốn, thì tối mai đây, tôi còn giảng cho anh em một lần nữa.»

Họ đi ra hết, trừ ra một ông chấp-sự Hội *Baptiste*. Hết thấy những người thuộc Hội Liên-hiệp đều bối-rối. Họ tưởng rằng mọi sự hư-hỏng cả, và sự ngu-dại của tôi đã phá tan mọi mối hi-vọng mà chức-vụ của tôi đã gây nên cho họ.

Song le ông chấp-sự Hội *Baptiste* đến cầm tay tôi cười và nói rằng: «Anh *Finney* ơi, anh đã nắm-giữ lấy họ rồi đấy. Họ không thể chịu nổi sự kích-thích ấy. Tôi tưởng anh đã làm một điều phải làm. Chúng ta sẽ thấy kết-quả.» (Còn tiếp).



CHARLES H. FINNEY



TIẾNG GỌI CỦA RỪNG XANH



NGƯỜI THÁI ĐEN Ở SƠN-LA

(Tiếp theo)

GIẢNG-SƯ NGUYỄN-HẬU-NHƯƠNG

LỊCH-SỬ.—Thái là một dân-tộc rất cổ ở cõi Đông-Pháp. Nguyên trước họ từ những đồi cao miền Vân-nam tràn xuống. Trước kia họ đã thành-lập nước Xiêm và những quận Lào.

Dân Thái, nếu tính cả số dân thuộc nước Tàu, thì đông gần bằng người An-nam. Còn ở nguyên cõi Đông-Pháp có hơn một triệu. Vì có giặc-giã hay tàn-phá, vì có khí-hậu bất-thuần cản-trở, vì có kế sinh-nhai bắt-buộc, nên dân Thái đi ở rải-rác khắp các tỉnh thượng-du Bắc-kỳ, phía bắc Trung-kỳ, Ai-lao, Điện-điện, Xiêm và một ít ở Cao-mên, tính tất cả có đến 12 triệu.

Xưa kia dân-tộc Thái và An-nam vẫn có sự chinh-chiến giai-giã với nhau mãi, sau nhờ cuộc bảo-hộ của nước Pháp mới làm cho hai dân-tộc được hưởng cuộc thái-bình.

Người ta thường gọi những người Thái ở thượng-du Bắc-kỳ, như ở các tỉnh Lạng-sơn, Cao-bằng, Thái-nguyên, vân vân, là Thổ; còn ở phía tây, về tả-ngạn sông Nhị-hà, ở Nghĩ-lộ, Tú-lệ, Sơn-la, Điện-biên-phủ, thượng-du tỉnh Nghệ-an, Thanh-hóa, người ta gọi là Tay (Thái), phủ Tay, Tay đen, Tay trắng.

Ở Sơn-la có người Mèo, Mường, Xá và Thái. Nhưng đông hơn hết là Thái đen. Theo lời truyền-khẩu làm thành câu hát vân vân, thì về căn-nguyên của dân Thái người ở Sơn-la tin-tưởng như sau này:

Thuở xưa, khi mới có trời, có đất, mới dựng nên bảy quả núi, mới có suối nước, mới có Mường Ôm, Mường Ai (Pắc xích, Pắc Oi bên Tàu, là sào-huyệt của giống Thái). Lúc ấy trời còn thấp, kéo chỉ, già gạo trên trời còn nghe, đất còn bằng. Trời sanh mười phần Xá, năm phần Thái xuống ở thế-gian. Họ muốn làm chẵn, nhưng không có rãnh, nước tràn-ngập lên

cả; muốn lập xứ-sở, nhưng không có Tào (một chức như lý-trưởng) để cai-trị, nên trong xứ có sự loạn-lạc, chém-giết lẫn nhau. Chuyện thấu đến Trời, Ngài liền sai Con Ngài xuống làm Tào trị dân. Đời ấy thiên-hạ thật thái-bình, thanh-trị, hạt gạo thì to bằng quả bí, lúa gạo hết, tự-nhiên lại có, cá hết, cá lại về. Người ta không cần kho chứa thóc, lúa chín cứ việc để ngoài ruộng, ngoài nương mà thôi.

Sau đó, Tào lười không hầu-hạ Trời, nên Ngài không bằng lòng, Ngài làm ra nắng hạn khắp nơi, lúa ngoài đồng chết héo, ốc ở ruộng chết khô, men trên gác hôi khúi, khoai sắn đều chết thúi, trâu bò đều chết đói, người đi buôn-bán, làm ăn chết dọc đường. Bấy giờ còn có ông Lang-Nhi, Lang-Cắm sống sót. Họ lại tìm cách lập xứ-sở, làm ruộng-nương. Họ dùng các loài vật còn lại, con làm chủ tế, con làm việc này, việc nọ, v. v., để tế Trời.

Bấy giờ trên trời liền có sự biến-đổi, trời râm, rồi mưa, mưa hạt thật lớn, đến nổi mọi hồ, ao, rãnh, suối, sông, ngòi đều tràn-ngập, nước lụt dâng lên đến tận trời, được ba tháng nước mới xuống, sáu tháng nước mới cạn. Trời bèn thương, đem mưa lên trời, cho nắng xuống đất, cho bảy ánh nắng (cầu vồng hay là mống). Rồi đó Ngài mới cất trời lên cao, xa độ bảy mươi mũi tên nối nhau, năm lần trống tiếp thêm, lại phải hai phát súng mười lòng, còn phải lấy cuộn thừng dây to bằng con trâu, con voi, cũng chưa đến. Giá cắt hết tất cả đuôi các loài thú trong rừng nối lại, thì may ra mới đến được trời!

Lúc ấy Trời mới lại sanh ra người trên đất, lấy tám quả bầu, tám trụ đồng để chống trời. Trong tám quả bầu ấy, thứ gì cũng có, muốn gì được nấy. Có 330 thứ lúa thóc ngoài đồng-ruộng, 330 thứ cá dưới

sông, 330 thứ người trên mặt đất. Trời sai ông Tào Xuông - Ngân đem tám trụ đồng, tám quả bầu xuống lập nên thế-gian. Đến Mường-Lò thì chia ra: đi đến nước Võ-Té sáu quả; sáu trụ đi nước Nam-Lào; Lũ và Tay hai quả và hai trụ. Cụ Tào trở về Mường Ôm, Mường Ai. Về sau con cháu cụ nối nhau cai-trị dân Thái, lập quê-hương xứ-sở, lo làm ăn mãi cho đến nay.

Phong-tục.—Phong-tục của người Thái đen ở Sơn-la có nhiều điều khác hẳn các phong-tục của người An-nam.

Từ xưa đến nay chưa có tôn-giáo nào thành-lập giữa người Thái, nên người Thái vẫn cứ theo tục-truyền trong mọi việc. Người Thái không theo đạo Khổng, Phật hay là đạo Thiên-Chúa. Về ý-nghĩa của sự tin-ngưỡng thì chịu ảnh-hưởng của Phật-giáo: người làm lành hưởng phước, làm ác chịu họa, có tội thì phải

chịu đốt xác-thịt khi chết, linh-hồn mới được lên tiêu-diêu nơi cực-lạc, vân vân. Về luân-lý, giống luân-lý của cụ Khổng, giữ giai-cấp một cách quá cẩn-thận, con phải theo cha, vợ dưới quyền chồng, dân phải vâng-phục các bậc cầm quyền, phải tuân lệnh một cách quá nghiêm-khắc. Những người có chức thì trong sự xưng-hô bao giờ cũng phải đệm chữ «*po*» nghĩa là cha, ví dụ «*xáy po*» (thầy cha) «*phía po*» (chánh-tổng cha) «*án-nha po*» (quan cha), vân vân.

Tất cả dân-sự đều chỉ gọi bằng bác, chú, hay có khi lấy tên con đầu lòng của người đó mà gọi, chớ không hề gọi là ông, dẫu một người già tuổi cũng vậy, vì ông tức là một chức kỳ-mục. Còn đờn-bà cũng thế, người ta chỉ gọi nhau bằng con này, con kia, hay là bác, thím, còn tiếng bà chỉ dùng để gọi vợ quan cai-trị ở đó, và gọi là «*êm ba*» (bà mẹ). (Còn tiếp)

NĂM MƯƠI TRIỆU BẠC MỘT NHÀ-THỜ

(Tiếp theo trang 54)

Đền-thờ của Đức Chúa Trời đương xây-dựng. So với thời-gian Đức Chúa Trời xây-cất Đền-thờ của Ngài, thì 46 năm xây-cất nhà-thờ *St. John the Divine* kia bất-quá như vài ba ngày. Kiệu Đền-thờ của Ngài giấu-kín từ khi khởi-thủy thế-giới; công-trình xây-cất trải qua 1.900 năm mà chưa xong. Không ai lường được giá đặt Vàng Đá Góc Nhà, vì chính là huyết quý-báu của Đức Chúa Jêsus đổ ra. Ngài phó mạng sống trên cây Thập-tự, gánh-vác tội-lỗi chúng ta, hầu cho có thể xây-cất Đền-thờ ấy.

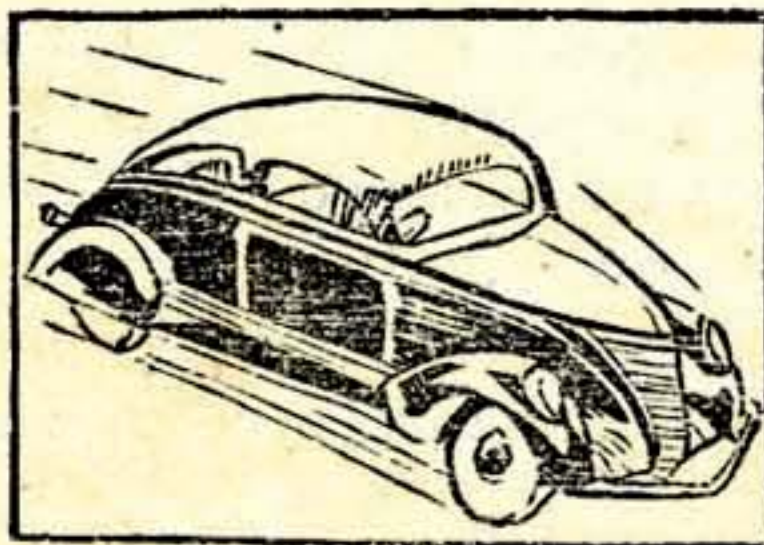
Nền-tảng của Đền-thờ ấy là các Sứ-đồ và các đấng tiên-tri, phần nhiều đã liều mạng sống để giúp việc xây-cất. Từng trên đương xây bằng những đá sống, tức là những tội-nhơn thuộc về mọi chi-tộc, mọi thứ tiếng, mọi nước đã được cứu bởi ân-diễn và bởi đức-tin trong «Đức Chúa Jêsus-Christ là Đá góc nhà, cả cái nhà dựng lên trên Đá đó, sắp-đặt cách hẳn-hoi, để làm lên một Đền-thờ thánh trong Chúa» (Êph. 2: 20-21).

Đền-thờ của Đức Chúa Trời có nhiều chỗ khác với nhà-thờ của Giám-mục

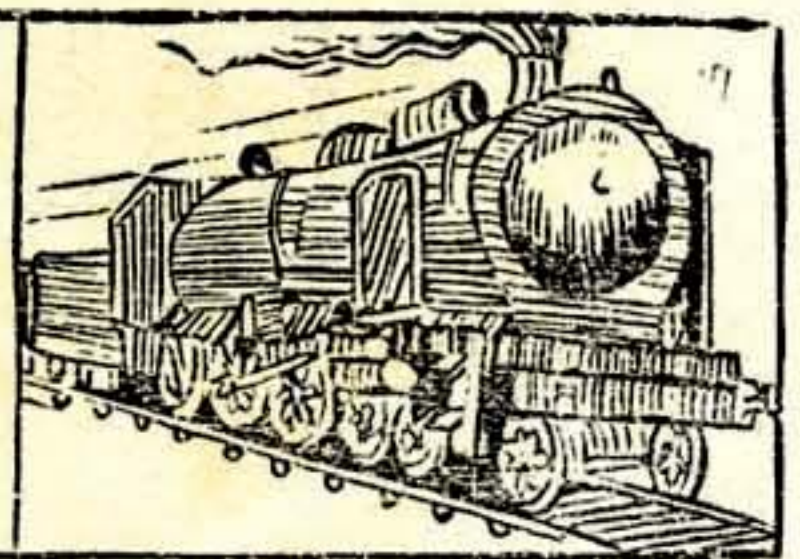
Manning. Chính Ngài là nhà Kiến-trúc, và bản-đồ của Ngài không hề phải sửa-đổi. Hòn đá đã được chọn và đặt vào đâu, thì cứ ở đó mãi. Muôn triệu người thuộc về mọi giống nhưng chung một đức-tin, đã giúp và sẽ giúp việc xây-cất Đền-thờ này. Dẫu đền-thờ này đã khởi-công xây-cất từ mười chín thế-kỷ nay, nhưng thế-gian vẫn chưa thấy được.

Giám-mục *Manning* muốn khánh-thành nhà-thờ *St. John the Divine* oai-nghiêm và tráng-lệ trong dịp du-khách đến xem cuộc đấu-xảo quốc-tế; cũng một lễ ấy, Đức Chúa Trời định một ngày kia sẽ «tỏ ra Hội-Thánh đầy vinh-hiến, không vết, không nhăn, không chi giống như vậy, nhưng thánh-sạch không chỗ trách được ở trước mặt Ngài» (Êph. 5: 27).

Trải qua mười chín thế-kỷ rồi, không phải nhà-thờ đáng giá 50 triệu bạc đâu, nhưng chính là những cuộc đời (và cũng có khi là những sự chết) của muôn triệu người trong Hội-Thánh vô-hình làm «bằng-cớ hiển-nhiên chúng ta tin-cậy Đức Chúa Trời» cho thế-gian xem thấy.—*Dịch báo «Now»*.



DU-LỊCH XỨ THÁNH



(Tiếp theo)

Vả, người ta cũng quả-quyết rằng bản thảo ấy chỉ là chép lại, và chính nguyên văn thì không biết có từ bao giờ. Khi xứ Pha-lê-tin bị nạn động đất mười năm trước, thì thành *Naplouse* thiệt-hại hơn hết: tính ra có hàng trăm người chết và rất nhiều nhà bị phá-hủy.

Chính ở Si-chem (nay là *Naplouse*) Áp-ra-ham đã đóng trại và dựng bàn thờ Đức Giê-hô-va (Sáng 12: 6, 7). Hài-cốt của Giô-sép cũng dời từ xứ Ê-díp-tô về xứ Ca-na-an, và táng tại Si-chem. Si-chem ở trong cùng một thung-lũng hẹp, một bên có núi Ga-ri-xim, một bên có núi Ê-banh. Đương thời Giô-suê, hai quả núi ấy là sân khấu của một tấn kịch ly-kỳ. Một nửa dân Y-sơ-ra-ên đứng trên đỉnh núi này, còn một nửa đứng trên đỉnh núi kia. Đương khi Giô-suê ở dưới chơn núi đọc luật-pháp thánh cho họ nghe, thì một nửa dân đứng trên núi Ga-ri-xim lớn tiếng nhắc lại những lời chúc lành, còn một nửa nhóm-hợp trên núi Ê-banh đối ngang đó nhắc lại những lời chúc dữ. Rồi toàn-thể dân-chúng nói: «A-men!» (Giô-suê 8: 33-35; Phục 27: 12-16). Vả, người ta đã chứng thực rằng âm-hưởng ở đó rất tốt, nên nếu ai nói rõ-ràng ở chơn núi thì trên đỉnh núi nghe rõ mồn một.

Sycar, làng của người đôn-bà Sa-ma-ri, hiện-hiện ở đằng xa, về phía dưới núi Ê-banh. Cách đó chừng ngót một cây số có giếng Gia-cốp. Chúng tôi đi vội đến đó. Một phút hồi-hộp, gần như trọng-thể! Phải chăng chính là ở đây mà ba ngàn năm trước, tổ-phụ Gia-cốp đã nghiêng mình trên miệng giếng này? Phải chăng Con người «phải đi ngang qua xứ Sa-ma-ri» (Gi. 4: 4), đã ngồi đó và xin người đôn-bà Sa-ma-ri cho mình uống? Phải rồi, còn nghi-ngờ gì nữa? Trong Xứ Thánh có nhiều cổ-lịch chẳng biết đúng hay không, nhưng đối với giếng Gia-cốp này thì không hề có sự tranh-luận hoặc giữa những người thông-thạo, hoặc giữa những phái đạo

khác nhau. Chỉ có một điều đáng tiếc, là người ta đã xây một đền-thờ đồ-dang và rất vụng-về ở chung-quanh giếng, và nói dưng-dưng rằng Đấng Christ đã ngồi đó mà trò-chuyện.

Người đôn-bà Sa-ma-ri thưa với Đức Chúa Jê-sus rằng: «Hỡi Chúa, giếng thì sâu.» Chính chúng tôi có dịp dò xem giếng sâu chừng nào. Người coi giếng thả ba cây nến (đèn cây), gắn vào một tấm ván, giòng dây thả xuống tận đáy giếng. Người đôn-bà Sa-ma-ri nói thật. Người coi giếng nói quyết với chúng tôi rằng giếng sâu 33 thước.

Kinh-Thánh không chép Đức Chúa Jê-sus có uống nước giếng đó, nhưng 80 người trong bọn chúng tôi đương nóng-bức và khát, nên ai nấy uống luôn mấy hớp nước trong-trẻo và mát-mẻ đó. Chúng ta hãy ước-ao rằng mỗi tín-đồ cũng uống nước của Đức Chúa Jê-sus ban cho, — «nước sẽ thành một mạch nước trong người đó, văng ra cho đến sự sống đời đời.»

Chính buổi tối đó chúng tôi vào thành Giê-ru-sa-lem!

GIÊ-RU-SA-LEM

Với một sự cảm-động dễ hiểu, chúng tôi đến gần Giê-ru-sa-lem, thành thánh, thành của Vua Chí-cai, «thành đời đời» vì chính Thiên-đàng có tên là «Giê-ru-sa-lem mới.» Quả thật, người thế-gian và tín-đồ giả-hiệu không thấy một chút hứng-thú nào trong khi đi thăm thành-phố nhỏ đó có khí-hậu nóng-bức khó chịu, chung-quanh có tường-lũy cao ngất, phố-xá chật-hẹp, nhơn-dân cực-kỳ lộn-lạo. Nhưng chẳng có con-cái nào của Đức Chúa Trời bước chơn vào đó mà không cảm-biết rằng tại đó nhiều nước đã được thành-lập «trong một ngày,» tại đó nhiều dân-tộc cường-thạnh đã bị tiêu-diệt, tại đó nhiều vua đã trị-vị, đã bị tước-vị, và đã bị giết chết. Thành Giê-ru-sa-lem đã bị vây-hãm nhiều phen rất là khốn-khó, nguy-hiểm, không thể tả xiết.

(Còn tiếp)



BÀI HỌC TRƯỜNG CHÚA - NHẬT

BÀ HOMERA HOMER-DIXON



12 FÉVRIER, 1939

CHÚA - NHẬT LÀ NGÀY YÊN - NGHỈ

CÂU GỐC: — Vì loài người mà lập ngày Sa-bát, chứ chẳng phải vì ngày Sa-bát mà dựng nên loài người

(Mác 2 : 27)

Bài học. — Mác 2 : 23 đến 3 : 6.

Đại-ý. — Đức Chúa Jêsus tỏ ra Ngài là Đấng cầm quyền trên cõi vật-chất, vì Ngài chữa được đủ mọi bệnh-tật, và cũng tỏ ra Ngài không phục những ý sai-lầm của đạo Sa-bát. Vì trong đời ấy cũng có một bọn ép-buộc người ta giữ ngày Sa-bát và chính bọn đó muốn giết Chúa, vì Ngài không phục ý-kiến họ!

Tin-Lành. — Chúa là Con Người (Mác 2 : 27, 28) và cũng là Đấng Tạo-Hóa, đã làm nên chính thi-giờ cho loài người lợi-dụng. Còn nữa, Ngài là Thầy Thuốc tối-cao thương-yêu ta (Mác 3 : 1-6). Sao không nhờ Ngài cất tội-lỗi và bệnh-tật ta đi?

Về mặt địa-dur và lịch-sử. — Trong xứ Ca-na-an ai ai cũng ăn lúa mì, vì cây thóc không mọc được. Lúa mì khi đang mọc thì hình như lúa của ta, và bông lúa ăn ngon.

Còn các nhà hội thì khác nhà giảng của ta. Số là khi dân Giu-đa bị đầy qua Ba-by-lôn 70 năm, không có đền-thờ, họ để riêng một căn nhà nhóm-họp thờ-phượng Chúa, và gọi lòng yêu tổ-quốc, là nước Giu-đa (E-xo-ra 8 : 15; Nê 8 : 2 và 9 : 1; Xa 7 : 5). Khi về xứ Ca-na-an, mỗi làng-xóm cũng có nhà hội, tuy là nhỏ vì theo số người. Theo luật-lệ của dân ấy, chỗ nào có hơn 10 người đờn-ông Giu-đa thì phải có nhà hội. Nếu không đủ tiền xây nhà, có khi họ nhóm-họp ở ngoài cũng được (Công 16 : 13). Nhà hội thường thuộc quyền một «ra-bi,» tức là vị cử-nhân, có học rất cao, nhưng ai ai cũng có phép dự phần giảng-day.

Giải nghĩa từng câu

Mác 2 : 23. — Cánh đồng lúa mì gần chín trông rất đẹp, nhưng các môn-đồ Chúa không để ý đến vẻ đẹp vì đói lắm.

Sao đói? Thưa, vì nhiều khi người theo Chúa phải chịu đói! Nhưng nếu Ngài là Đấng Toàn-năng, làm sao Ngài không hóa đá ra bánh ngay lập-tức để nuôi những người theo Ngài? Thưa, vì (1) Ngài không lấy vật-chất để thuê người theo Ngài. Nếu Ngài vẫn cho các môn-đồ ăn-uống sung-sướng, thì không ai biết họ thật-thà hay là chỉ theo Ngài vì lương-thực đó; thế-gian sẽ cho họ là «tín-đồ gạo.» Còn (2) nếu ta không chịu khó với Chúa, ắt không đáng được phần thưởng về sau. Ta chịu đau-đớn bao nhiêu với Ngài ở đây, thì cũng được thưởng bấy nhiêu ở Thiên-đàng (Rô 8 : 17; II Ti 2 : 12; Ma 19 : 27-29, v. v. Xem Ma 12 : 1-8 và Lu 6 : 1-5).

Kinh-Thánh không chép rằng chính Chúa ăn lúa đó; chắc Ngài cũng đói, nhưng nhịn được.

Luật-pháp Chúa do ông Môi-se ban-bố cho phép người ta ăn bao nhiêu, nhưng không được đem gì về với mình (xem Phục 23 : 24, 25).

Câu 24. — Bọn Pha-ri-si hỏi Chúa về việc các môn-đồ Ngài làm; thế-gian còn cho Chúa là Đấng chịu trách-nhiệm về Hội-Thánh, và mỗi khi ta làm gì không xứng-đáng thì họ cáo Chúa : tội của tín-đồ làm ô danh Chúa quá chừng.

Nhưng trong việc ấy, các môn-đồ có tội không? Bọn Pha-ri-si nói rằng họ có tội. Bọn ấy có ý khoe mình về sự công-bình của luật-pháp, và đã thêm rất nhiều luật-lệ vụn-vặt, phiền-phức và thật đại-dột vào những luật-lệ đầu-tiên mà Chúa ban cho. Theo bọn Pha-ri-si, không phải hái và đập lúa mì trong ngày Sa-bát là tội mà thôi, nhưng họ cấm không được đi bộ trên bãi cỏ, vì cho rằng đó là một cách đập lúa! Người đau răng cũng không

nên súc miệng bằng thuốc vì họ cho rằng súc miệng là một việc, nhưng người đó có thể dùng thuốc chải răng, và họ cho đó chỉ là giữ mình sạch-sẽ! Còn về thuốc-men, họ bảo: «Nếu ta uống thuốc ấy vì ngon, vì vui, thì được, nhưng nếu ta uống nó vì là thuốc, thì sự uống thành ra công-việc, và phạm ngày Sa-bát.» Nếu người bị thương, máu chảy đầm-đìa, thì người đó sẽ chết; thế mà họ cho rằng cầm máu lại là việc khó-nhoc, là phạm ngày Sa-bát!

Còn nữa, có chép rằng nếu nhằm ngày Sa-bát một người muốn dõn một bó lúa đi,—đã dành đó là việc nặng-nề,—cũng phạm ngày Sa-bát; nhưng nếu người đó chỉ để một cái thìa (muỗng) trên bó lúa đó và nói rằng muốn dõn cái thìa, thì sẽ dõn cả thìa luôn với bó lúa, mà không phạm ngày Sa-bát! Như vậy, bọn Pha-ri-si cho rằng các môn-đồ đang gặt lúa và đập lúa nhằm ngày Sa-bát, chỉ vì họ bứt bông lúa, vò trong tay để ăn. Bọn Pha-ri-si tự xưng rằng họ kế-tiếp Môi-se (Ma 23: 2), và những luật-lệ họ đặt ra là quan-trọng bằng các luật-lệ Chúa ban cho Môi-se (Mác 7: 8, 9).

Câu 25.—Chúa tỏ ra bọn ấy thật ngu-dốt về Kinh-Thánh, tuy rất thạo các luật-lệ của người ta đặt ra. Chúa nhắc đến sự không học Kinh-Thánh trong sách Mác 12: 10, 26; Ma 19: 4; 21: 16, 42; 22: 31.

Câu 26.—Nếu ta so-sánh các câu Cựu-Uớc với nhau, ta thấy A-bia-tha có hai tên, và cha của ông cũng thế. Nhiều khi người ta có hai tên, như chính ông Lê-vi trong bài học tuần-lễ trước (xem I Sa 14: 3; 21: 1 và 22: 9, 11, 20; II Sa 8: 17; I Sứ 18: 16). Nếu Chúa nói lầm tên người đó thì bao nhiêu người đã công-kích Ngài ngay!

Về bánh trần-thiết, xem Xuất 25: 30; 35: 13 và 39: 36; Lê 24: 5-9.

Lời đáp của Chúa (1) viện đến Kinh-Thánh, là mực-thước tuyệt-đối của hành-vi, cử-chỉ ta; (2) nhắc rằng chính vua Đa-vít cũng bị bắt-bớ bởi Sau-lơ như bọn Pha-ri-si bắt-bớ Chúa; (3) tỏ rằng người nào đang hầu việc Chúa thì có thể vượt qua các lễ-nghi mà không phạm tội, miễn là hiệp ý của Chúa (Ma 12: 5).—Cho người đời được ăn là việc lành chứ! (xem Ê-sai 58: 6, 7).

Câu 27.—«Chon ta không được dựng

nên để vừa với đôi giày: trái lại, ta đóng đôi giày để hầu việc chon!» Hết cả luật-pháp của Chúa đều cốt để giúp ích cho ta, miễn là ta hiệp với Chúa. Đối với người Giu-đa, luật-pháp là đường cho chon đi thật, chớ không phải là cái ách nặng-nề hay là xiềng-xích bó-buộc (Rô 7: 12).

Xưa khi Chúa chưa kêu-gọi dân Y-so-ra-ên ra, Ngài không bảo ai giữ ngày Sa-bát, nhưng Ngài tỏ ra rằng có sự yên-nghỉ về thời-kỳ thứ bảy (Sáng 2: 1, 2). Như vậy, ta cũng nhận rằng nếu ta để dành một ngày trong tuần-lễ mà nghỉ, ta sẽ khỏe hơn. Vì Chúa-nhứt là ngày đặc-biệt để hầu việc Chúa, nên rất nhiều giăng-sur Âu, Mỹ giữ ngày thứ hai là ngày nghỉ ở nhà để bổ sức lại.

Nhưng vì ta thuộc về đời Tân-Uớc, ta được tự-do, không bị bó-buộc phải phục các ngày, các lễ gì cả (Côl. 2: 16; Ga 4: 9-11). Ta tình-nguyện giữ ngày Chúa-nhứt vì lòng yêu-mến Chúa, quả-quyết muốn có một ngày biệt riêng ra thánh cho Ngài (Ga 5: 1).

Câu 28.—Chúa nhắc rằng tuy Ngài đã thành ra Người, rất nhu-mì, nhưng Ngài vẫn là Đấng đã ban luật-lệ cho dân Y-so-ra-ên trên núi Si-na-i, và nếu Ngài muốn thay-đổi hay là vượt-bỏ, thì cũng được cả. Ngày Sa-bát chỉ là một tội-tớ của Ngài, và Ngài là Đấng có tự-do trọn-vẹn cả trên loài người và trên những thời-gian, niên-lich nữa! Các ngày, các năm được định bởi sự xoay-vần của địa-cầu chung-quanh mặt trời, và Chúa có thể phán một tiếng, sẽ phá chính mặt trời được, cho nên sẽ «không còn có thời-kỳ,» sẽ có thời-kỳ ta không còn mua lịch nữa (xem Khải 10: 6--nguyên-bản).

Nói thật, Hội-Thánh thuộc về các cõi trên trời, chớ không có lịch nào cả (Êph. 2: 6; Phil. 3: 20), và đã bước vào một thời-kỳ yên-nghỉ đời đời rồi, nên ngày nào cũng là ngày Sa-bát cho ta (Êph 4: 9, 10).

Mác 3: 1.—Trong Hội-Thánh ta cũng có nhiều tin-đồ bại cánh tay, không hầu việc Chúa được, chẳng?

Câu 2.—Bọn đạo Sa-bát vẫn rình để bắt lỗi Chúa, và lập mưu giết Ngài (Ma 12: 10-14; Lu 6: 6-11).

Câu 3.—Ngài không làm giấu-kín, vì (1) không biết sợ, và (2) muốn dạy các môn-đồ, và (3) ta phải xưng rõ sự cần-

dùng và tội-lỗi mình trước mặt chi-hội.

Câu 4.—Câu hỏi là cách Chúa thường đoán-xét. Xem Rô 3: 19.

Câu 5.—Xem cơn thanh-nộ thánh-khiết trong Phục 32: 22; Khải 6: 16, 17.

Chúa đã làm bảy phép lạ đúng vào ngày Sa-bát, tức là một số trọn-vẹn tỏ ra quyền-phép và lòng yêu-thương của Ngài trời hơn hết mọi ngày và mọi lễ-nghi.

Câu 6.—Ăn-diễn Chúa như nước mưa,—đất đã mềm thì ra mềm hơn, nhưng đất cứng chỉ càng cứng hơn (xem Ma 11: 23, 24).

Tóm lại từng phần

Mác 2: 23-28.—Ở ngoài đồng. Chúa bình-vực việc của các môn-đồ.

Mác 3: 1-6.—Ở nhà hội. Chúa bình-vực việc của chính mình Ngài.

19 FÉVRIER, 1939

CHÚA CHỌN MƯƠI HAI MÔN-ĐỒ

CÂU GỐC.—Ai làm theo ý-muốn Đức Chúa Trời, nầy là anh em, chị em, và mẹ Ta vậy

(Mác 3: 35)

Bài học.—Mác 3: 7-19, 31-35.

Đại-ý.—Xưa Chúa chọn các môn-đồ theo Ngài, và ngày nay Ngài chọn tín-đồ để đi hầu việc Ngài.

Tin-Lành.—Bài học này dạy về sự được gọi để hầu việc Chúa. Nhưng ta phải được lòng tinh-sạch, mới hầu việc Ngài được. Nên trước khi học, ta phải biết rõ rằng tội mình đã được rửa sạch trong huyết Chúa, là Đấng cam chết để cất tội-lỗi đi.

Tiếp-nối ý bài trước.—Tuần-lễ trước có học về Chúa chữa tay người bại trong nhà hội, chắc là trong thành-phố Ca-bê-na-um. Tuần-lễ này ta thấy Ngài bỏ thành-phố đi về bờ biển, lên núi, và giảng tại nơi vắng-vẻ, rồi kêu-gọi các môn-đồ. Sao Ngài bỏ thành-phố? — Thưa, (1) vì lòng Ngài buồn, trong nhà hội có kẻ rình như chó sói để công-kích Ngài. Còn nữa, (2) «lia-bỏ nhà hội» nghĩa là lia-bỏ đạo Giu-đa eo-hẹp để khởi-sự công-việc rộng-rãi hơn sẽ lan-tràn đến tận cuối-cùng trái đất. Còn (3) trong Mác 3: 6 có bóng tối của sự chết, và vì Ngài vô-sở bất-tri, Ngài biết mình phải lập lên những người kế-tiếp chức-vụ Ngài và đồn ra Tin-Lành sau khi Ngài sẽ bị giết chết, sống lại và lia-bỏ thế-gian.

Về mặt địa-dur.—«Biển» đây vẫn là biển Ga-li-lê (xem Thánh-Kinh Bảo, số 95, trang 29). Về đời Đấng Christ, xứ Ca-na-an chia làm ba địa-hạt, như sau đây—

Phía bắc là xứ Ga-li-lê, nhơn-dân phần nhiều là người Giu-đa.

Trung-trong là xứ Sa-ma-ri, nhơn-dân là người Sa-ma-ri, vốn là người Mê-sô-pô-ta-mi (II Vua 17: 24-41).

Phía nam là xứ Giu-đa, nhơn-dân là người Giu-đa.

Khi danh-tiếng Chúa được đồn ra, có người từ Giu-đa đến Ga-li-lê, xa hơn Sa-ma-ri, để nghe Ngài, nhưng không có ai từ Sa-ma-ri đến (Giăng 4: 6). Không biết «núi» trong Mác 3: 13 là núi nào, nhưng chắc là một ngọn trong dãy núi phía tây biển Ga-li-lê.

«Xứ Y-đu-mê» tức là lối người Gô-réc gọi «Ê-đôm», nghĩa là «đỏ», ở về phía nam xứ Ca-na-an (Sáng 32: 3; Ê-sai 34: 5, 6; Ê-xê 35: 15 và 36: 5-6; II Sam. 8: 14; I Vua 9: 26 và II Vua 14: 7, v. v.).

Giải nghĩa từng câu

Mác 3: 7, 8.—Lòng Chúa buồn vì sự ghen-ghét của bọn Pha-ri-si và «đạo Sa-bát», nên Ngài lui đi. Khi nào ta có lòng ghen-ghét, tranh-đua, ta cũng đuổi Đức Thánh-Linh đi ra khỏi lòng ta.

Câu này cũng có nghĩa bóng về Chúa lia-bỏ thời-kỳ của đạo Giu-đa, mà sang đến «bờ biển.» («Nhà» vẫn là hình-bóng về đạo Cựu-Uớc, và «biển» chỉ về «các nước, các dân»—xem Ma 23: 38, 39 và 13: 1; Ê-sai 57: 20; Khải 17: 15, v. v.).

Từ bốn phía có đám đông theo Ngài, như từ bốn góc trái đất đổ về trung-tâm của Thập-tự! Ty-rơ và Si-đôn thuộc xứ Sy-ri, phía bắc xứ Ca-na-an, tuy ở ngoài địa-giới Đất Thánh, cũng có một số người yêu-mến Chúa hơn dân Giu-đa (Ma 11: 21, 22).

Câu 9.—Nếu «nhà» chỉ về đạo Giu-đa, và «biển» chỉ về các dân ngoại, thì ta thấy «thuyền» chỉ về Hội-Thánh đi trên mặt biển, không thuộc về đất hay là nước.

Nếu nước vào thuyền, thì cũng như thế-gian nhập vào Hội-Thánh! Ngài bị «lấn-ép» mà vẫn không tức-bực. Xin Thần-Linh Ngài ngự trong ta, cho ta cũng có lòng mềm-mại, kiên-nhẫn, chịu mọi sự như Ngài!

Câu 10.—Theo tiếng Gô-réc, chữ «bịnh» thứ hai trong câu này khác với chữ «bịnh» thứ nhất, vì nó vốn nghĩa là «cái roi.» Như vậy, ta có thể dịch câu này là: «Vi Ngài đã chữa lành nhiều kẻ bệnh, nên nỗi những ai bị cái roi nào cũng áp đến gần để rờ Ngài.» Thật vậy, bệnh-tật và những việc âu-sầu như là roi đánh cho đau-thương lòng ta, nhưng chỉ xô ta đến gần Chúa để được phước lớn! Xin nghĩ ra các thứ roi hay đánh người thế-gian (Ê-sai 1: 5, 6).

Câu 11, 12.—Các tà-thần không chịu nổi con mắt Chúa. Chúng nó vẫn nhận rằng Đức Chúa Jê-sus là Đức Chúa Trời Toàn-năng (Gia-cơ 2: 19, 20), nhưng Chúa không chịu chúng làm chứng về Ngài một phút nào (như trong Mác 1: 25; Công 16: 17, 18, v. v.). Ta nên cẩn-thận đừng chịu người của tà-giáo nào hiệp-tác với ta trong sự làm chứng về Chúa.

Câu 13.—Rồi Chúa lên núi. Núi nào? Không biết đích, vì núi ấy làm hình-bóng về nước Thiên-đàng, là núi Si-ôn trên trời (Khải 14: 1; Hê 12: 22, 23). «Lên núi» thì bao giờ cũng khó. Xuống trũng thì dễ quá. Ai bằng lòng chịu khó theo Chúa lên núi dốc kia? Xem hình-bóng tín-đồ trung-tin leo núi trong I Sam. 14: 7, 13. Nhưng có lẽ Ngài gọi ta mà ta không nghe. Sao vậy?

Câu 14, 15.—Hội-Thánh phải (1) ở cùng Ngài; (2) giảng Lời Ngài; (3) trừ quỷ. Nhưng đều quan-hệ nhất là «ở cùng Ngài» (xem Lu 10: 41, 42; Công 4: 13; Giảng 15: 27; Công 13: 31). Xin tự hỏi: «Ta làm trọn bổn-phận này chưa?»

Câu 16-19.—Xem I Cô 1: 26-29. Không có một quan lớn nào trong cả mười hai Sứ-đồ. Và cũng có một người mà Chúa biết sẽ phản Ngài. Nhưng Ngài chọn Giu-đa Ích-ca-ri-ốt để nó sẽ có dịp-tiện trọn- vẹn mà trở nên người mới (Giăng 6: 70, 71).

Ở đây không thể nói đến từng Sứ-đồ một. Xin xem Thánh-Kinh Sứ-Lược, trang 214 đến 218, v. v. Các Sứ-đồ ấy sẽ có chức cao về sau (xem Ma 19: 28 và Khải 21: 12-14). Nhưng con đường lên ngài bị nhuộm đỏ

bởi huyết các thánh-đồ ấy; trong 12 Sứ-đồ chỉ có một, là ông Giăng, không bị giết chết vì Chúa!

Trong số đó có những người khác hẳn nhau, như Ma-thi-ơ vốn làm chức thu thuế cho nhà-nước Rô-ma, và Si-môn, người Ca-na-an, gọi là «Xê-lốt» (chữ Xê-lốt nghĩa là *zélote*, tức là thuộc đảng quốc-gia, rất ghen-ghét nước Rô-ma). Nhưng hết cả việc chánh-trị đều bị quên hẳn khi ta đến gần Đức Chúa Jê-sus!

«Sứ-đồ» nghĩa là một người được sai đi, và theo tiếng Gô-réc thì chỉ về chiến-hạm được sai khắp nơi để thắng trận trên bốn biển thế-giới. Thật thuyền nhỏ trên biển Ga-li-lê thành ra đội hải-quân để thắng thế-gian!

Câu 31, 32.—Theo Giảng 7: 3-11, ta thấy các em ruột của Đức Chúa Jê-sus, tức là các con bà Ma-ri sanh-để với Giô-sép sau khi Chúa ra đời, đều chê Đức Chúa Jê-sus: chắc họ xui cho bà Ma-ri lo-sợ về Con Trưởng của bà, tưởng Ngài nên về nhà là hơn. Như vậy, ta thấy rằng chính lòng người mẹ thương con có khi muốn ngăn-trở công-việc của Chúa.

Câu 33-35.—Chúa tỏ ra rằng sự hiệp một với Ngài bởi chung một Thần của Ngài là quan-hệ hơn sự liên-lạc của gia-đình theo xác-thịt. Ngài kéo ta vào vòng thân-thiết với Ngài hơn chính bà Ma-ri mỗi khi bà ấy làm gì trái ý - muốn Ngài. Chúa không chịu chính mẹ Ngài cảm-đỗ Ngài bỏ công-việc.

Câu hỏi tỉnh-thức ta

- 1.—Hạng nào theo Đức Chúa Jê-sus? (xem Mác 12: 37).
- 2.—Lời giảng của Chúa cảm-động người ta thế nào? (Mác 1: 22; Lu 4: 32).
- 3.—Chúa làm gì trên núi cả đêm? (Lu-ca 6: 12).
- 4.—Cựu-Ước có chép gì về Giu-đa Ích-ca-ri-ốt? (Thi 55: 12-14).
- 5.—Sao Chúa gọi Gia-cơ và Giăng là «những con của sấm-sét?» (Lu 9: 49, 54).

Tóm lại từng phần

Mác 3: 7-12.—Chúa hành chức: lo về phần xác-thịt dân-sự; tại bờ biển.

Câu-13-19.—Chúa chọn kẻ kể chức: lo về phần linh-hồn; tại đỉnh núi.

Câu 31-35.—Chúa từ-biệt gia-đình hữu-hình: lo về gia-đình thiêng-liêng; tại trong nhà.

26 FÉVRIER, 1939

THÍ-DỤ VỀ NGƯỜI GIEO GIỐNG

CÂU GỐC:—Hãy làm theo lời, chớ lấy nghe làm đủ mà lừa-dối mình

(Gia-cơ 1 : 22)

Bài học.—Mác 4 : 1-20.

Đại-ý.—Chúa Jêsus dạy về bốn hạng người nghe giảng Tin-Lành; có người không chú-ý gì cả; có người khác chú-ý một chút nhưng vì sự khó-khăn nào, thì mau sa-ngã, bỏ Chúa : cũng có người thật muốn nhận Chúa, nhưng vì bận việc quá nên cũng bỏ quên; nhưng cũng có một số người hết lòng nhận ơn Chúa, và cũng dẫn-dắt nhiều người khác đến cùng Ngài nữa.

Tin-Lành.—Bài học này dạy về sự chính mình ta đối với Tin-Lành thế nào. Xin nhắc lại, Tin-Lành là tin mừng rằng Đức Chúa Trời yêu-thương chúng ta đến nỗi Con một của Ngài, là Đức Chúa Jêsus, đã đổ mạng sống Ngài, chịu chết để cứu ta khỏi tội-lỗi và sự chết. Ai tin thì được cứu. Nhưng nếu không thực lòng nhận và tin, thì lòng ta sẽ như đất ở ngoài đường kia!

Tiếp-nối ý bài trước.—Trong sách Mác đoạn 3 ta đã thấy —

(1) Chúa Jêsus chữa cánh tay tê-bại; bọn Pha-ri-si lập mưu để giết Ngài.

(2) Ngài lập lên một số người sẽ kế-tiếp chức-vụ Ngài.

(3) Bọn thù-nghịch Ngài bảo rằng Ngài phát điên.

(4) Ngài phán về tội không được tha, là tội của dân Giu-đa.

(5) Mẹ và các em Ngài đến khuyên Ngài bỏ thiên-chức mà về nhà.

Rồi ngày nay ta thấy Ngài tiến bước đến sự lập Hội-Thánh bởi lời giảng-dạy.

Về mặt địa-dư.—Khi có đông người quá, Chúa đã ngồi trong thuyền. Hồ Ga-li-lê có ít nhiều vũng rất đẹp, và có bờ cả ba bên, cho nên ai ngồi trong thuyền trên mặt nước thì có các thính-giả chung-quanh mình. Còn nữa, bờ đó toàn là những sườn núi hơi dốc, nên ai nói trong thuyền chính giữa vũng, thì một vạn người nghe được. Các sườn núi đó cũng vang-dội tiếng của người giảng. Khi Đấng Tạo-Hóa dựng nên địa-cầu, Ngài đã bày phong-

cảnh Ga-li-lê cách đặc-biệt để làm tòa giảng thiên-tạo cho Ngài khi Ngài sẽ thành ra Người.

Giải nghĩa từng câu

Mác 4 : 1.—Sau khi dân Giu-đa cáo Chúa hợp-tác với Sa-tan, và chính gia-đình Ngài muốn Ngài bỏ thiên-chức, thì Chúa lại bỏ đất vào thuyền là hình-bóng về Hội-Thánh, như ta đã xem tuần-lễ trước.

Câu 2.—«Thí-dụ» hoặc «ví-dụ» là «những truyện về việc ở dưới đất dùng để cắt nghĩa về việc trên trời.» Chúa khởi-sự lập lên một số người sẽ nhận-lãnh Thần-Linh Ngài, để hiểu được những điều thế-gian chẳng hiểu được (xem kỹ I Cô 2:6-16).

Câu 3.—Ý-nghĩa thứ nhứt đây là Chúa bỏ Thiên-đàng, xuống thế-gian để dạy-dỗ muôn dân. Nhưng ý-nghĩa rộng hơn tức là mọi người được chung một Thần-Linh với Ngài, thì cũng chung một thiên-chức (I Cô-rinh-tô 3 : 6, 8).

Xin nhớ rằng nếu muốn hầu việc Chúa, ta phải chịu khó «đi ra.» Ta không gieo giống khi ta ngồi trên ghế êm dưới quạt máy!

Câu 4.—Đất dọc đường thì bao giờ cũng cứng, nhưng ai làm cho cứng? Nếu ta phản-nản rằng lòng người cứng quá, ta nên nhớ rằng có khi chính chơn người gieo giống đã làm cho cứng khi người ấy đi qua đi lại. Nghĩa là có khi cách ăn-ở của chính người truyền-đạo làm cho lòng người ta cứng hơn.

Chim trời nhiều khi chỉ về những quĩ. Xưa kia các người dân thờ quĩ đã cúng tại các bụi cây, là nơi hay có chim, vì tưởng quĩ nhập vào chim (Ê-xê 6 : 13 và 20 : 28; Giê 3 : 6, 13). Khắp cả thế-gian đã có truyện-tích như vậy, và Kinh-Thánh cũng cho phép ta dùng chim trời ô-uế làm hình-bóng về các quĩ (xem Khải 18 : 2; Truyền 10 : 20; Ma 13 : 4, 19, 32 và 24 : 28).

Vì Chúa tỏ ra Sa-tan tỉnh-thức hòng cướp lấy các lời Tin-Lành, nên ta phải tỉnh-thức hơn, và cầu-nguyện đặc-biệt cho người nghe giảng lúc đi đường về nhà, sẽ có Chúa gìn-giữ khỏi bị mất Lời sự sống.

Câu 5, câu 6.—Chỗ này có một lớp đất mỏng trên vàng đá; đất ở trên có lẽ tốt lắm, nhưng không đủ. Khi nào có bão, ta thấy bị đổ trước nhứt là những cây không có nhiều rễ; muốn vững-bền, cây phải châm rễ xuống và ăn rất sâu vào đất; nhưng có khi ta gặp người ở trên có lòng mềm-mại, nhưng ở dưới thì cứng quá, thật là lớp đất phủ kín vàng đá.

Câu 7.—Đất tốt, nhưng không đủ chỗ. Người thì có lòng tốt, sẵn-sàng, nhưng không đủ thì-giờ chú-ý về Chúa.

Câu 8.—Đất này sẵn-sàng, không có nhiều việc quá, và không có lòng cứng ở dưới một lớp đất. Nhưng xin hỏi: «Chúa dùng gì để khiến lòng ta mềm-mại?» Có phải binh-tật, hoạn-nạn, giặc-giã, sự thử-thách, không?

Sự kết-quả bởi một phần tư sẽ bù lại sự kém-sút của ba phần kia.

Câu 9.—Xem câu 23. Ngoài Đức Chúa Jê-sus, không có ai dùng câu này. Ngài đã phán như vậy sáu lần trong ba năm thi-hành thiên-chức, và bảy lần trong Khải 2, 3 (xem Ma 11: 15; Mác 4: 9 như Ma 13: 9 và Lu-ca 8: 8; Ma 13: 43; Mác 4: 23; Mác 7: 16 và Lu 14: 35). Ta xem-xét các câu này, sẽ thấy rõ ý-kiến của Chúa.

Câu 10.—Trong thế-gian này và trong Kinh-Thánh nữa, có vô-số việc ta không hiểu. Ta làm gì? Chịu ngu-dốt cả đời không? Hay là chạy đến các giáo-sư và học những lý-thuyết của loài người? Không! Ta sẽ cầu-nguyện Chúa một mình hoặc với một số tín-đồ đồng lòng, xin Ngài dạy-dỗ và cắt nghĩa (Gióp 36: 22). Nhiều khi sự «cô-đơn» hình như không vui, tẻ như khi ta nằm nhà thương một mình, không được giao-thông với Hội-Thánh! Nhưng chính lúc không có ai hết, thì có Chúa đến gần, và ta «học tư» với Ngài (Thi 73: 23-26).

Câu 11, 12.—Xem Ê-sai 6: 9, 10; Ma 13: 10-17; Giăng 12: 37-41; Công 28: 25-28. Bởi Đức Thánh-Linh, Hội-Thánh hiểu thấu đều màu-nhiệm, như có chép trong I Cô 2: 6-16; Thi 119: 99; Lu 24: 27, 45. Xin Chúa mở mắt tôi!

Câu 13.—Thí-dụ về người gieo giống là chia-khóa cho các thí dụ khác.

Câu 14.—Theo nguyên-bản, chữ dịch «Đạo» là «Lời,» chung một chữ với «Ngôi-Lời» trong Giăng 1: 1, v. v. Ta giảng về Ngôi-Lời, và ta giảng ra chính Ngôi-Lời, chớ không phải là giảng tôn-giáo.

Câu 15.—Đất dọc đường cứng, ta sẽ làm gì cho lòng người ta mềm? Thừa, cây và tưới. Sự đau-dớn có khi là cây của Chúa làm cho lòng mềm-mại, nhưng phải có nước mắt tưới nhiều nữa! Chữ «đạo» ở đây cũng là «Lời,» nghĩa là Lời phán của Chúa, chớ không phải tôn-giáo hay là đạo-đức.

Câu 16, 17.—Có sự vui-mừng vì dễ cảm-động quá (Ma 8: 19, 20).

Câu 18, 19.—Rất nhiều người thuộc hạng này! Ba sự cảm-đỗ đây hiệp với ba sự cảm-đỗ Ê-va, và ba cơn thử-thách Chúa đã chịu (Sáng 3: 6; Ma 4: 3-11).

Câu 20.—Số này là những người «chịu lấy, nghe và hiểu» (Ma 13: 13-23), «nghe, chịu lấy, và kết quả» (Mác 4: 20), «nghe, gìn-giữ, và kết quả» (Lu 8: 15).

Tóm lại từng phần

Mác 4: 1-9.—Thí-dụ giấu lẽ thật. Chúa phán với thiên-hạ.

Câu 10-20.—Lẽ thật được tỏ ra. Chúa phán chuyện với tín-đồ.

Câu hỏi tỉnh-thức ta

1.—Theo thí-dụ này, hạt giống là gì? (Mác 4: 14; Lu 8: 11; I Phiê 1: 23).

2.—Nếu không kết quả, có phải là tội của hạt giống không? (Mác 4: 5, 7; Giê 4: 3; Ô-sê 10: 12).

3.—Muốn kết quả cho Chúa, ta phải làm gì? (Ô-sê 10: 12; Giê 4: 3; Ga 6: 7, 8).

4.—Chúa khuyên-bảo các tội-tớ Ngài phải làm thế nào? (Truyền 11: 6; Thi 126: 5; Ê-sai 32: 20; Giăng 4: 36, 37).

5.—Chông-gailà hình-bóng về gì? (Sáng 3: 17, 18; Ê-sai 27: 4; Gióp 31: 38-40).

6.—Nếu muốn kết quả, ta nên làm thế nào? (Côl. 2: 7; I Tê 3: 3; Thi 27: 14; Thi 37: 7; I Giăng 2: 15, 16).

Lời cảm-động từng người một.—Lạy Chúa, xin Ngài khiến con đâm rễ sâu vào ân-diễn Ngài, và trừ-bỏ những sự cảm-đỗ hay xen vào lòng con. Xin Ngài khiến cho con chịu được những sự thử-thách và kết quả cho Ngài vui lòng.

5 MARS, 1939

CHÚA SAI MƯƠI HAI MÔN-ĐỒ ĐI GIẢNG ĐẠO**CÂU GỐC:—VẬY, các sứ-đồ đi ra, giảng cho người ta phải ăn-năn**

(Mác 6 : 12)

Bài học.—Mác 6 : 1-13.

Đại-ý.—Chúa Jêsus (1) muốn dạy một số người truyền Tin-Lành, để tiếp-nối Ngài khi Ngài từ-biệt thế-gian, và (2) muốn truyền Tin-Lành khắp chốn bởi lời làm chứng của những người Giu-đa cho những người Giu-đa.

Tin-Lành.—Các sứ-đồ đi rao-giảng về (1) tội-lỗi sanh ra sự chết, và (2) lòng yêu-thương của Đức Chúa Trời, để cho người ta có dịp-tiện ăn-năn bỏ tội.

Tiếp-nối bài học tuần trước.—Tuần trước ta học về Chúa Jêsus ngồi trong thuyền (hình-bóng về Hội-Thánh), dạy về sự giảng Tin-Lành cho bốn hạng người. Ngày nay ta thấy các sứ-đồ đi thí-nghiệm sự giảng-dạy đó. Còn nữa, thuyền Hội Tin-Lành gặp gì?—Xem Mác 4 : 35-41, thật tiên-tri về những cơn bão sẽ đổ vào Hội của Chúa qua cả thời-kỳ này (xem Lịch-sử Hội-Thánh, ta sẽ rõ hơn !)

Mác đoạn 4 và 5 Chúa tỏ ra quyền-phép Ngài trên (1) cõi thiên-nhiên—4 : 35-41 ; (2) trên các tà-thần—5 : 1-20, và (3) trên bệnh-tật và sự chết—câu 21-43.

Rồi ngày nay ta học về các môn-đồ đi giảng, có sự quả-quyết, mạnh-bạo hơn vì nhờ những phép lạ qui-hóa mà Chúa mới làm trước mắt họ. Cũng thế, khi nào Chúa gọi ta đi hầu việc Ngài, thì trước nhứt Ngài đỡ đức-tin của ta lên bởi sự cảm-động phi-thường.

Giải nghĩa từng câu

Mác 6 : 1, 2.—«Quê-hương mình» tức là thành Na-xa-rét (Ma 2 : 22, 23 ; Lu 2 : 39, 40). Theo Lu-ca 4 : 14-29 Chúa đã giảng tại Na-xa-rét một lần rồi và thiếu đều bị dân-chúng giết chết ; nhưng lòng kiên-nhẫn của Chúa muốn cho dân Na-xa-rét một dịp-tiện nữa (II Phi-e-rơ 3 : 9). Các môn-đồ theo Chúa, dầu phải đến nơi nguy-hiểm cũng không sợ. Xin tự hỏi : Chính mình tôi có bằng lòng theo Chúa trong sự nguy-hiểm, không ? Có bằng lòng làm chứng tại quê-hương mình, không ?

Tại Na-xa-rét không có đông người đến nghe Chúa như trong các chỗ khác, vì ở đó họ hơi khinh Ngài ; như vậy Chúa phải

đợi đến ngày Sa-bát, khi dân Giu-đa đi nhóm-họp đông trong nhà hội, Ngài mới giảng được.

Dân Na-xa-rét hỏi ba điều—(1) Bởi đâu được...? (2) Sự khôn-sáng từ đâu đến...? (3) Thế nào làm phép lạ ?

Câu 3.—Đoạn 5 sách Mác tỏ ra Chúa là Đức Chúa Trời Toàn-năng, nhưng đoạn này đây tỏ ra Ngài là Người...!

Chắc rằng chồng Ma-ri, là Giô-sép, cha nuôi của Chúa, dạy Chúa làm nghề thợ mộc từ thuở nhỏ, vì luật của nước Giu-đa có chép rằng--

«Người cha nào không dạy kỹ-nghệ cho con mình, thì đang dạy con làm nghề trộm-cướp !»

Dân Na-xa-rét không nói Chúa là «Con của thợ mộc,» chắc vì Giô-sép chết đã lâu, và chính Chúa đã làm nghề đó để nuôi mẹ già và các em Ngài, cho đến khi các em ấy lớn tuổi, đủ sức tự lập gia-đình và có thể nuôi mình.

Câu 4.—Nhiều khi chính gia-đình mình khinh mình khi thiên-hạ đều khen.—Người ngu-dốt không quý-chuộng sự khôn-ngoa, vì không biết sự khôn-ngoa là gì ! Người ngu-dốt không biết mình ngu-dốt, vì không biết sự học-thức là gì !

Vấp-phạm vì có Chúa, hình như là Ngài không có thể-lực lớn ? Vấp-phạm vì Ngài không khiến tôi-tỏ Ngài khỏi sự bắt-bớ, không ? (xem Mat. 11 : 2-6).

Câu 5.—Chúa bị ngăn-trở bởi lòng vô-tin hơn bởi một vạn quỷ. Xin nhớ rằng Chúa làm phép lạ vì ta tin ; Ngài không hề làm phép lạ để ta tin. Hiện nay là thời-kỳ của đức-tin, chớ không phải của phép lạ. Nếu Chúa làm phép lạ để khiến ta tin, thì chỉ như làm trò ! II Cô-rinh-tô 5 : 7 và I Cô-rinh-tô 1 : 22, 23.

Câu 6.—Ta chỉ đọc về hai lần Chúa lấy làm lạ...(1) Ngài lấy làm lạ về lòng tin của người lính Rô-ma, còn (2) Ngài lấy làm lạ về lòng không tin của người Giu-đa (xem Mat. 8 : 10 và 7 : 9).

Rồi Ngài đi dạy-đỗ nơi khác : Ngày nay cũng thế, khi một thành-phố nào hay là một nước nào được dịp-tiện lớn để tin

Ngài, nhưng vẫn chối, thì các tôi-tớ Chúa sẽ đi nơi khác.

Câu 7.—Chúa sai các sứ-đồ đi từng đôi vì (1) họ hãy còn yếu-đuối, và hai người có thể giúp-đỡ lẫn nhau (Truyền 4: 9, 10), và (2) phải có hai người làm chứng theo luật-pháp Giu-đa (Phục 19: 15; II Cô 13: 1). Tuy vậy, ta cũng không nên chối công-việc của Chúa vì không có ai giúp-đỡ ta; Chúa chỉ cho A-rôn giúp Môi-se khi ông phạm tội; và Ê-li-sê giúp Ê-li khi Ê-li xin chết! (Xuất 4: 10-14; I Vua 19: 4, 16).

Hội-Thánh ngày nay vẫn còn quyền-phép trên các quỷ, nhưng nhiều khi ta không biết dùng quyền-phép đó (Êph. 6: 10-18, nhất là câu 12, và Rô 8: 37, và 16: 20; I Cô 15: 57, v. v.).

Câu 8.—Nhiều khi Chúa cho ta từng-trải sự thiếu-thốn, khi ta mới khởi-sự hầu-việc Ngài, để ta biết nhận «ma-na» hằng ngày, và biết cầu-nguyện thật rằng: «Xin cho chúng con đồ-ăn hằng ngày» (Xuất 16: 21; Ma 6: 11). Xem Phil. 4: 19.

Ngài muốn ta biết hầu việc Ngài cách tận-tâm, không lo gì cả về những việc của đời này.

Câu 9.—«Mang dép» vì sẽ đi đường khó-khăn!

Không cần hai áo, vì sẽ ngăn-trở đi bộ nhanh-chóng, và cũng biết chắc-chắn rằng Chúa sẽ làm cho mình khỏi rét ban đêm.

Câu 10.—Đừng hay thay-đổi: hãy chịu khó trong đời này, vì chỉ là tạm-thời. Hay đổi nhà ở hoặc nhà trọ sanh ra sự phiền-phức, và cũng mất thì-giờ. Ta phải bằng lòng cứ ở bất-cứ nơi nào mà Chúa đã dẫn-dắt ta đến.

Câu 11.—Đừng ngã lòng vì mình không lập lên Hội-Thánh lớn—các sứ-đồ cũng có khi không làm gì được, và phải bỏ nơi này để giảng ở nơi kia.

«Phải bụi» có hai nghĩa: (1) về phép vệ-sinh—chắc rằng nơi nào chối Chúa thì có rất nhiều bệnh - tật và bụi sẽ toàn vi-trùng độc lắm, và (2) bụi là hình-bóng về sự chết, và ta không dự phần trong sự chết của kẻ chối Chúa và cũng không giao-thông với họ nữa (II Cô 6: 14-19). Chính Chúa giúp ta, gìn-giữ chơn ta sạch-sẽ khỏi bụi của thế-gian (Giăng 13: 4, 5).

Chắc bụi cũng chỉ về những tội hình

như là rất nhỏ mà ta dễ mắc khi ở trọ trong nhà người thế-gian.

Câu 12.—Sự hối-cải và ăn-năn tội nghĩa là đổi hẳn ý mình về tội, thấy tội như thật, không phải dong-thứ tội vì tưởng có lẽ nó không xấu lắm! Đó là bước thứ nhất trong sự được cứu. Phải biết rõ mình thật đau-ốm, mới bằng lòng mời thầy thuốc và uống thuốc được!

Câu 13.—Thời-kỳ đó Chúa làm nhiều phép lạ bởi tay các sứ-giả Ngài. Họ đuổi quỷ bởi quyền-phép danh Chúa. Dầu là hình-bóng về Đức Thánh-Linh và bởi quyền-phép Ngài, người ốm được lành (Gia-cơ 5: 14, 15).

Tóm lại từng phần

Mác 6: 1-6.—Thế - gian chê - cười. Thành-phố chối Chúa.

Câu 7-13.—Các sứ-đồ vâng lời. Các làng-xóm được dịp-tiện.

Câu hỏi tỉnh-thức ta

1.—Đức Chúa Jêsus là Đấng Toàn-năng có bị ngăn-trở, không? (Thi 78: 41, Mác 16: 14, Mat. 17: 20).

2.—Làm sao thành Na-xa-rét chối Chúa? (Mác 6: 1-3, Lu 4: 24-30).

3.—Chúa làm gì cho chơn của tín-đồ? (I Sam. 2: 9, Giăng 13: 4, 5, Lu 15: 22).

4.—Chơn tín-đồ nên mang «dép» nào? (Êph. 6: 15, Ê-sai 52: 7, Rôm. 10: 15).

5.—Làm sao sự không tin giống như con dao cắt đứt mạch máu người? (Hêb. 11: 6, Mác 6: 5).

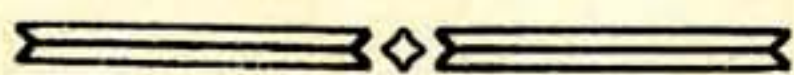
6.—Chúa «bởi đâu được những điều này?» (Mác 6: 2, Giăng 3: 35).

7.—«Sự khôn-sáng» của Chúa từ đâu? (Mác 6: 2, Côl. 2: 3, 9).

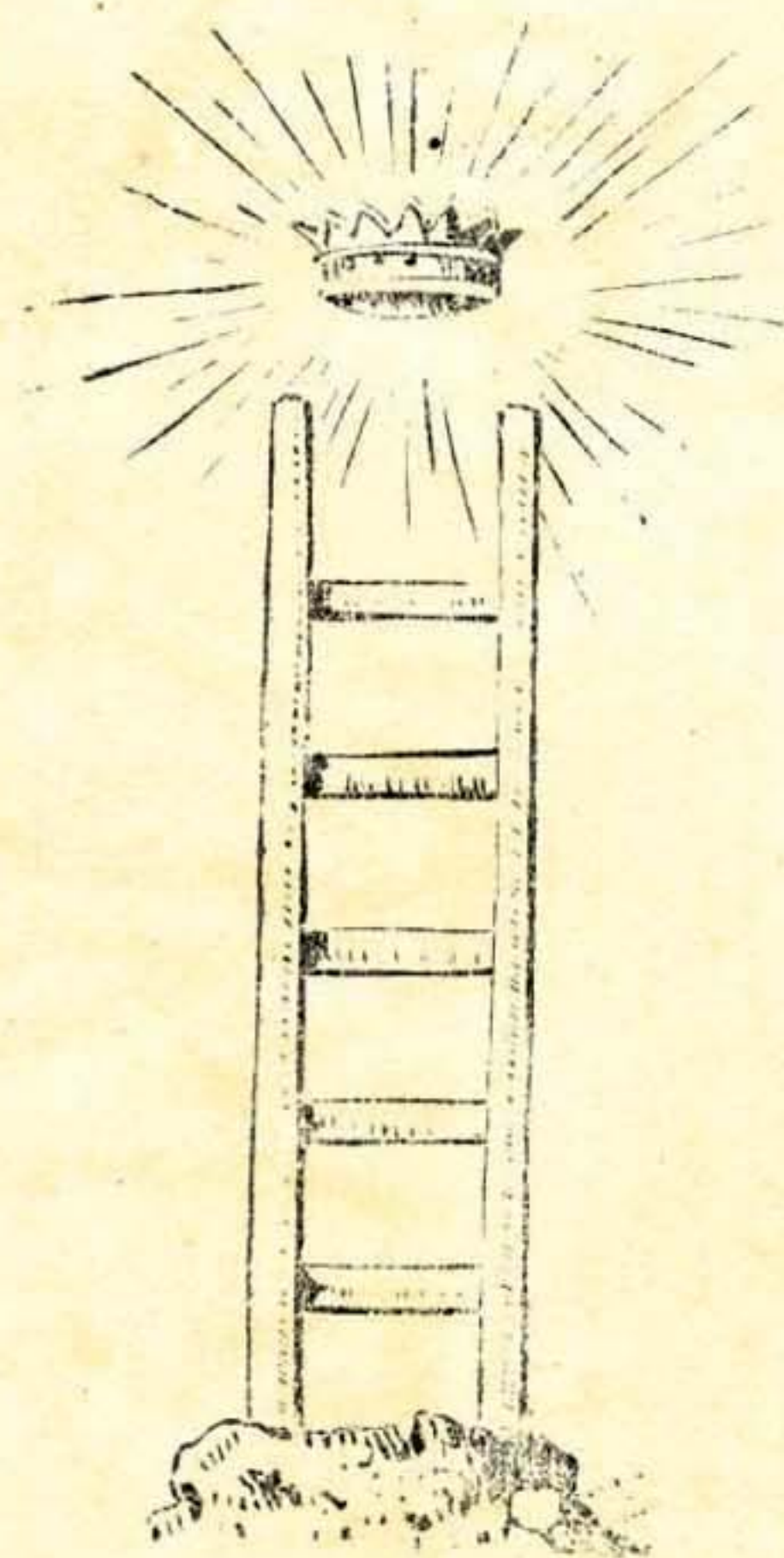
8.—«Thế nào» Chúa làm được những sự đó? (Mat. 28: 18; Giăng 17: 2, và 13: 3).

9.—Nếu Chúa là «Thợ Mộc» (nói bóng), Ngài đang xây-cất gì? (I Cô 3: 9).

Lòng cảm-động của tín-đồ.—Nguyên Chúa tẩy hết sự không tin ra khỏi lòng ta, nên ta không ngăn-trở Đức Thánh-Linh hành-động ở trong ta. Nếu tin Ngài và vâng lời Ngài, ta sẽ được Ngài sai đi để làm chứng cho đồng-bào mình! Xin Ngài khiến ta thành ra sứ-giả của Ngài có quyền-phép Ngài và lời làm chứng được linh-nghiệm.



LÀM GÌ TRONG NĂM 1939?



VỚI số báo này hạn đồng-niên đã hết, anh em ta phải làm gì?

Phải cảm-tạ Chúa đã giúp cho được báo THÁNH-KINH ngày càng soi tỏ.

Phải mỉm cười nhìn lại những thành-tích mà lòng yêu-thương và sự thành-thực hợp-tác đã ghi được trên bước đường hầu việc Chúa.

Và nhứt là phải dự-bị đưa THÁNH-KINH BẢO tới một tương-lai rực-rỡ.

Ấy cũng như leo thang chật-vật để lên tới đích, giựt lấy mào triều-thiên.

VƯỜN THÊM HOA QUÍ

THÁNH-KINH BẢO năm 1939 sẽ hiển các độc-giả những sự mới-lạ chẳng ngờ.

Sẽ có những truyện đặt rất ly-kỳ, đánh mạnh vào tâm-hồn mỗi người, giúp thấy địa-vị mình là thế nào.

Sẽ có những cuộc phỏng-vấn độc-giả về các vấn-đề quan-hệ mật-thiết với đời thiêng-liêng.

Sẽ có những bài bày-tỏ công-việc vĩ-đại của đạo Tin-Lành ở khắp thế-giới xưa nay.

Sẽ có mục luận về phong-tục của các bộ-lạc ở Hòa-bình, Ban-mê-thuột, vân vân.

Sẽ có tiểu-sử của các giáo-sĩ trứ-danh đã liêu thân giảng đạo ở những nơi tối-tăm cực-điểm.

Sẽ đăng sự từng-trải-từ khi tin Chúa đến khi hầu việc Chúa của các ông bà Mục-sư, Truyền-đạo Việt-Nam. (Xin các bạn gửi bài về)

Sẽ mở mục «Một ngày chứng đạo» để tất cả anh chị em trong ban truyền-đạo tỏ ra sự từng-trải của mình. (Xin các bạn gửi bài về)

Và nhiều bài sâu-nhiệm, thiêng-liêng, mới-lạ.

TÔI XIN GIÚP MỘT TAY!

CHÚA đủ! Phải giúp cả hai tay, cả tấm lòng, thì-giờ, sức-lực!

Phải sốt-sắng cồ-động cho THÁNH-KINH BẢO trong nhà-thờ, nhà riêng, công-sở, học-đường, nghĩa là khắp mọi nơi.

Phải gắng sức thế nào cho THÁNH-KINH BẢO được rất ít là gấp rưỡi số độc-giả năm 1938 để có thể hạ giá xuống 1\$00 một năm, 0\$60 nửa năm.

Và đáp lại những tiếng «PHẢI» đáng cảm-động ấy, chúng tôi xin thành-thực cảm ơn vô-cùng.

Thơ-từ và liên-bạc xin gửi càng sớm càng tốt cho: Mục-sư Wm. C. Cadman, Quản-lý Thánh-Kinh Bảo, 1, Phố Nguyễn-Trãi, Hà-nội.

SÁCH NHỎ MÀ ẢNH-HƯỞNG LỚN

CHỈ cần trả số tiền nhỏ cho bản-quản, anh chị em sẽ có những quyển sách quý-báu dưới đây, giúp mình hiểu-biết hơn-lý thuần-túy của đạo Tin-Lành :

GỖ LƯỚI SA-BÁT (quyển 1 và 2) chỉ-tỏ tại sao tín-dồ không nên giữ luật-pháp của Môi-se và nhưt là ngày thứ bảy. Giá bán 1 quyển 0.04—10 quyển 0.30—100 quyển 2.50.

ĐĂNG CỨU-THỂ (Đức Chúa Jêsus-Christ), là quyển sách của ông Truyền-dạo Phạm-xuân-Tin mới xuất-bản. Giá bán 10 quyển 0.08—50 quyển 0.35—100 quyển 0.60.

ĐỨC CHÚA TRỜI PHÁN, cuốn sách biểu không, anh em chỉ phải chịu tiền cước-phí—100 quyển 0.24—200 quyển 0.36.

NGỌN ĐUỐC SOI ĐÊM (52 trang). Giá bán 10 quyển 0.50—50 quyển 2.25 — 100 quyển 4.00.

Thơ-lừ và bưu-phiếu, xin đề gởi cho : MỤC-SƯ WM. C. CADMÁN, SỐ 1 PHỐ NGUYỄN-TRÃI, HÀ-NỘI.

HỘP THƠ

Ông Năm, Phú-nhuận. — Tin-tức của ông đến chậm ; sẽ đăng trong số sau. Ông Cương, Vĩnh-long. — Đã nhận được tấm hình nhà giảng. Cảm ơn ông. Ông Kỳ, Sơn-lây. — Đã gởi báo tháng Janvier 1939 cho bảy vị độc-giả mới. Ông Hỉ, Sóc-sải. — Chúng tôi trông-mong số độc-giả Thánh-Kinh Báo năm nay tại quý-hội sẽ đông hơn năm ngoái. Ông Phải, Bình-dại. — Mua báo xin ông trả cho tiền trước. Ông Thọ, An-hóa. — Xin ông trả cho 1\$20, tiền 10 số báo Janvier và Février 1939 gởi cho năm độc-giả ấy. Ông Công, Thanh-hóa. — Đã gởi số báo Janvier cho ông Hứa ở Battambang. Ông Chính, Phú-thọ. — Nhờ ông gắng sức tuyên độc-giả cho Thánh-Kinh Báo ở Phú-thọ. Ông Hiền, Sa-déc. — Tháng sau chúng tôi sẽ gởi Thánh-Kinh Báo cho ông bằng cách lãnh-hóa giao-ngân. Ông Hòa và ông Ân, Djiring. — Chúng tôi bắt đầu gởi báo theo niên-hạn mới cho hai ông từ số sau.



Xin cảm ơn các ông đã trả tiền dưới đây :

Ông Liêm 1\$20 ; ông Tươi 12.20 ; ông Ngà 10.00 ; ông Tùng 5.40 ; ông Chiêu 1.20 ; ông Phú 1.30 ; ông Khanh 1.60 ; ông Chử 11.93 C. R. ; ông Hóa, ông Ân 3.00 ; ông Tín 1.75 ; ông Sanh 1.40 ; ông Đăng 12.37 ; ông Nhựt 0.70 ; ông Nhung 2.70 ; ông Chuông 3.65 ; ông Hà-Văn Frère 98.00 ; ông Phải 6.50 ; ông Hiền 10.80 ; ông Hiến 20.40 ; ông Hiệu 10.80 ; ông Kỳ 3.70 ; ông Thái Long 12.50 ; ông Cương 4.90 ; ông Thảo 9.85 ; Hội-Thánh Hà-nội 13.60 ; ông Thảo 1.52 ; ông Kham-Phao 14.80 ; ông Quốc 1.00. (Tính đến ngày 31 Décembre 1938).

Anh em nào trả tiền mà không thấy đăng, xin gởi thơ ngay cho biết.